

Số: 290923.BCB/2023-CBTT

Ngày 29 tháng 9 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Tên Công ty Quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)
 - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVN30**
 - Mã chứng khoán: **E1VFN30**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
 - Điện thoại: 028-3825 1488 Fax: 028-3825 1489
 - Email: cskh@dragoncapital.com Website: <http://dragoncapital.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố: Bản cáo bạch quỹ ETF DCVFMVN30 cập nhật tháng 09 năm 2023.

Vào ngày 14/9/2023, Công ty DCVFM đã nộp bản cáo bạch cập nhật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (SSC) kèm theo Phụ lục XXVIII – Mẫu thông báo về việc sửa đổi bổ sung điều lệ được ký ngày 11/09/2023. Theo khoản 5, Điều 4, Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành ngày 16/11/2020 quy định: "... Sau thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nộp Bản cáo bạch cập nhật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nếu không nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản, công ty quản lý quỹ được cung cấp Bản cáo bạch cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và nhà đầu tư.", hôm nay ngày 29/9/2023, sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 14/9/2023, công ty DCVFM không nhận được ý kiến phản hồi từ SSC nên chúng tôi công bố thông tin bản cáo bạch cập nhật như sau:

Lý do cập nhật:

- Cập nhật người phụ trách công bố thông tin
- Chương I:
 - Cập nhật thông tin quản lý quỹ
- Chương III, mục 2:
 - Cập nhật giới thiệu chỉ số tham chiếu
- Chương IV, mục 1, mục 3, mục 4:
 - Khoản 1.2: Cập nhật thông tin
 - Khoản 3.1, 3.2, 3.4, 3.5, 3.7: Cập nhật mục tiêu, chính sách và hạn chế
 - Khoản 4.1: Cập nhật thông tin
- Chương V
 - Bổ sung thông tin "Tóm tắt Điều lệ Quỹ"
- Chương VI, mục 1:
 - Khoản 1.1. 1.2, 1.3, 1.4, 1.6, 1.7: Cập nhật thông tin
- Chương VII, mục 1, mục 2, mục 4, mục 6, mục 7: Cập nhật thông tin
- Chương IX, mục 2, mục 3,,: Cập nhật thông tin



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ vào ngày 29/9/2023 tại đường dẫn <http://dragoncapital.com.vn>, mục Tài Liệu Quỹ của công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm

- Bản cáo bạch cập nhật tháng 9/2023
- Phụ lục XXVIII – Mẫu thông báo về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ



Lê Hoàng Anh
Giám Đốc chi nhánh Hà Nội kiêm
Quyền Giám Đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư



PHỤ LỤC XXVIII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL
VIỆT NAM (DCVFM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08BCB8 - DCVFM

TP HCM, ngày 11 tháng 09 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ/Bản cáo bạch của quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của Quỹ ETF DCVFMVN30 như sau:

| STT | Khoản mục, điều của Điều lệ/Bản cáo bạch cũ | Khoản mục, điều của Điều lệ/Bản cáo bạch mới | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|--|---|--|-------------------------------|
| 1 | - Tổ chức phát hành - Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH – Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư | - Công ty quản lý quỹ - Ông LÊ HOÀNG ANH – Giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư | Cập nhật thông tin |
| 2 | | Mục lục cập nhật mới | Cập nhật thông tin |
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | | | |
| 3 | 1. Tổ chức phát hành ... Giấy phép sửa đổi số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020 | 1. Công ty quản lý quỹ ... Giấy phép điều chỉnh đổi số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020 | Cập nhật thông tin |
| 4 | | Cập nhật địa chỉ NHGS Và chi nhánh tại: Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: (84-24) 3942 8168 Fax: (84-24) 3942 8169 | |
| II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA | | | |
| 5 | "Công ty Quản lý Quỹ": Nghĩa là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM), được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng | "Công ty Quản lý Quỹ": Nghĩa là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM), được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư | Cập nhật thuật ngữ/định nghĩa |

| | |
|---|---|
| <p>khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM là công ty thực hiện huy động vốn và quản lý Quỹ DCVFMVN30.</p> <p>"Ngân hàng giám sát": (Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ ETF DCVFMVN30, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ quỹ.</p> <p>"Đại lý phân phối": Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>ETF DCVFMVN30 với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.</p> <p>"Điều lệ quỹ": Bao gồm điều lệ quỹ, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua Điều lệ quỹ lần đầu.</p> <p>"Bản cáo bạch": Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.</p> <p>"Chỉ số tổng thu nhập VN30" (VN30-TRI): Là chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN30 chính là danh mục chỉ số giá</p> | <p>chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ</p> <p>"Ngân hàng giám sát": Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ... Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ quỹ.</p> <p>"Đại lý phân phối": Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ.</p> <p>"Điều lệ quỹ": Bao gồm điều lệ quỹ ETF DCVFMVN30, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).</p> <p>"Bản cáo bạch": Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.</p> <p>"Chỉ số tham chiếu/ Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập)": Là chỉ số đo Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM xây dựng và quản lý bao gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành</p> |
|---|---|

| | |
|--|---|
| <p>VN30 và chỉ khác chỉ số giá VN30 ở việc tính giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.</p> <p>“Chứng khoán cơ cấu”: Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số VN30-TRI không bao gồm chứng khoán phái sinh.</p> <p>“Danh mục chứng khoán cơ cấu”: Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ DCVFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN30-TRI (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu). Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số VN30-TRI.</p> <p>“Giá phát hành lần đầu”: Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại bản cáo bạch này.</p> <p>“Giá dịch vụ phát hành”: Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại bản cáo bạch này.</p> <p>“Năm tài chính”: Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 sẽ được tính từ ngày Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 được Ủy</p> | <p>phần. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.</p> <p>“Chứng khoán cơ cấu”: Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu không bao gồm chứng khoán phái sinh.</p> <p>“Danh mục chứng khoán cơ cấu”: Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ DCVFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu). Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.</p> <p>“Giá phát hành lần đầu”: Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.</p> <p>“Giá dịch vụ phát hành”: Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.</p> <p>“Năm tài chính”: Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 được tính từ ngày Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy</p> |
|--|---|

| | | |
|---|--|--|
| <p>ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>"Giá trị tài sản ròng của quỹ": Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá... Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30.</p> <p>"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư": Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ DCVFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phần ảnh hưởng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM; <p>"Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam"</p> | <p>chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>"Giá trị tài sản ròng của quỹ": Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư": Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ DCVFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phần ảnh hưởng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng dịch vụ quản trị quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM; <p>"Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam"</p> | |
|---|--|--|

III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

| | | | |
|---|--|--|--------------------|
| 6 | <p>2. Giới thiệu Chỉ số VN30-TRI</p> <p>Chỉ số tổng thu nhập VN30 là chỉ số thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 và được ký hiệu VN30-TRI (VN30 – Total Return Index). Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm 30 công ty có giá trị vốn hoá và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Trong đó tư cách tham gia vào chỉ số bao gồm những tiêu chí như sau:</p> <p>Tiêu chí về niêm yết:</p> <p>Cổ phiếu không thuộc một trong các diện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, diện tạm ngưng giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét. - Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. | <p>2. Giới thiệu Chỉ số tham chiếu</p> <p>Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) là chỉ số thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 (theo phương pháp chỉ số giá). Chỉ số VN30 là bao gồm 30 công ty có giá trị vốn hoá và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Trong đó tư cách tham gia vào chỉ số bao gồm những tiêu chí như sau:</p> <p>Tiêu chí về niêm yết:</p> <p>Cổ phiếu không thuộc một trong các diện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, diện kiểm soát đặc biệt, diện tạm ngưng giao dịch (ngoại trừ tạm ngưng giao dịch do các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp | Cập nhật thông tin |
|---|--|--|--------------------|

| | |
|--|--|
| <p>Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc nhóm 05 công ty lớn nhất (top-5) thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng.</p> <p>Tiêu chí về tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float): Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi tỷ lệ tự do chuyển nhượng của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng lớn hơn 10% : đáp ứng điều kiện tham gia vào Bộ chỉ số. - Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng nhỏ hơn hoặc bằng 10% : loại khỏi Bộ chỉ số, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng (GTVHFF) lớn hơn trung vị của tập hợp 90% GTVHFF của cả rổ cổ phiếu đáp ứng tiêu chí niêm yết. <p>Tiêu chí về thanh khoản: Cổ phiếu tham gia vào chỉ số VN30 đảm bảo thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio) như sau:</p> <p style="text-align: center;"> <small>Tỷ suất quay vòng chứng khoán =</small> $\frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ niêm yết (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân của cổ phiếu niêm yết tại kỳ niêm yết}}$ </p> <p>(*) Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại. - Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại khỏi. <p>Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí về niêm yết, về tỷ lệ tự do chuyển nhượng và về thanh khoản gọi là danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân trong 12 tháng chưa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng.</p> <p>Bước 1: Lấy các cổ phiếu thuộc tập hợp 90% giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare. Nếu tập hợp không đủ 50 cổ phiếu thì lấy cổ phiếu kế tiếp trong danh sách theo giá trị giao dịch từ cao xuống thấp sao cho đủ 50 cổ phiếu.</p> <p>Bước 2: Sắp xếp các cổ phiếu được chọn theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên đương nhiên có mặt trong chỉ số; - Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 41 trở xuống đương nhiên bị loại khỏi chỉ số; - Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu để có trong danh mục cổ phiếu | <p>cổ phiếu, chia tách/sáp nhập... dưới 30 ngày giao dịch) trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc nhóm 05 công ty lớn nhất (top-5) thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng. <p>Tiêu chí về tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float): Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi tỷ lệ tự do chuyển nhượng của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng lớn hơn 10%: đáp ứng điều kiện tham gia vào Bộ chỉ số. - Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng nhỏ hơn hoặc bằng 10%: loại khỏi chỉ số, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng (GTVHFF) lớn hơn hoặc bằng 2.000 tỷ đồng đối với cổ phiếu thuộc bộ chỉ số kỳ trước, và lớn hơn hoặc bằng 2.500 tỷ đồng đối với các cổ phiếu mới. <p>Tiêu chí về thanh khoản: Cổ phiếu tham gia vào chỉ số đảm bảo thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio) như sau:</p> <p style="text-align: center;"> <small>Tỷ suất quay vòng chứng khoán =</small> $\frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ niêm yết (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân của cổ phiếu niêm yết tại kỳ niêm yết}}$ </p> <p>(*) Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại. - Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại khỏi. <p>Các cổ phiếu tiếp tục được xem xét theo tiêu chí thanh khoản về khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân hàng ngày (KLGD_KL) và giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân hàng ngày (GTGD_KL) như sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu có KLGD_KL nhỏ hơn 100.000 cổ phiếu sẽ bị loại. - Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có GTGD_KL nhỏ hơn 9 tỷ đồng sẽ bị loại. - Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có GTGD_KL nhỏ hơn 10 tỷ |
|--|--|

| | | |
|---|--|--|
| <p>thành phần của rổ VN30-TRI kỳ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có giá trị vốn hóa bình quân cao hơn của kỳ xem xét.</p> <p>- Chọn 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn nằm trong danh mục chỉ số VN30-TRI được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VN30-TRI bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét.</p> <p>Chỉ số VN30-TRI được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30-TRI sẽ được xem xét lại 6 tháng/lần vào thứ 2 tuần thứ nhất của tháng Hai và tháng Tám hàng năm. Dữ liệu dùng trong kỳ xem xét được lấy sau khi đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng Sáu và tháng Mười Hai.</p> <p>Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30-TRI là 10%. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hóa sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ.</p> <p>Thông tin cập nhật về Chỉ số VN30 và VN30-TRI, vui lòng tham khảo tại trang web www.hsx.vn.</p> | <p>đồng sẽ bị loại.</p> <p>Nếu danh sách không đủ tối thiểu 50 cổ phiếu thì lựa chọn các cổ phiếu theo thứ tự giảm dần về GTGD_KL sao cho đủ tối thiểu 50 cổ phiếu.</p> <p>Tiêu chí về giá trị vốn hoá :</p> <p>Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí về niêm yết, về tỷ lệ tự do chuyển nhượng và về thanh khoản gọi là danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân trong 12 tháng chưa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng.</p> <p>- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên luôn được chọn vào rổ chỉ số;</p> <p>- Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số kỳ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu.</p> <p>- Chọn 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn vào rổ chỉ số sẽ được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của chỉ số bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét.</p> <p>Chỉ số được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu thành phần của chỉ số sẽ được xem xét lại 6 tháng/lần và thời điểm áp dụng vào thứ Hai tuần thứ nhất của tháng 2 và tháng 8 hàng năm. Thời điểm áp dụng cập nhật về khối lượng lưu hành và tỷ lệ tự do chuyển nhượng định kỳ 03 tháng/lần vào thứ Hai tuần thứ nhất của tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm.</p> <p>Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số là 10%. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được thực hiện định kỳ 03 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ.</p> <p>Thông tin cập nhật về chỉ số, vui lòng tham khảo tại trang web www.hsx.vn</p> | |
| <p>IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF DCVFMVN30</p> | | |

| | | | |
|---|--|---|--------------------|
| 7 | <p>1. Thông tin chung về Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>....</p> <p>- Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30-TRI. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.</p> <p>1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ</p> <p>....</p> <p>Thời gian hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.</p> <p>3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ</p> <p>Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tổng thu nhập VN30-TRI. Chỉ số VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập (total return index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.</p> <p>3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ ETF DCVFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30-TRI có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30-TRI về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.</p> <p>....</p> <p>3.4 Lĩnh vực đầu tư</p> <p>Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư theo ngành</p> | <p>1. Thông tin chung về Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>....</p> <p>- Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập).</p> <p>1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ</p> <p>....</p> <p>Thời gian hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.</p> <p>3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ</p> <p>Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập).</p> <p>3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ</p> <p>Quỹ ETF DCVFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.</p> <p>....</p> <p>3.4 Lĩnh vực đầu tư</p> <p>Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.</p> <p>3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ</p> | Cập nhật thông tin |
|---|--|---|--------------------|

| | |
|--|--|
| <p>nghe của Quỹ ETF DCFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số VN30-TRI và chiến lược đầu tư của Quỹ.</p> <p>3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ</p> <p>...</p> <p>4. Công ty quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:</p> <p>- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d và e khoản 3 mục 3.5 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 mục 3.5 Điều này.</p> <p>3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư</p> <p>Để mô phỏng chỉ số vn30-tri, về nguyên tắc quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số vn30-tri theo tỷ lệ tương ứng, tuy nhiên, trong một số trường hợp quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số vn30-tri để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số vn30-tri. Quỹ ETF DCFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số vn30-tri hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số vn30-tri khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số vn30-tri tại kỳ xem xét tiếp theo.</p> <p>4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ:</p> <p>4.1 Rủi ro đầu tư tại Việt Nam</p> <p>VN30-TRI là chỉ số tổng thu nhập VN30 bao gồm 30 chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên đầu tư vào Quỹ ETF DCFMVN30 nhà đầu tư có thể gặp những yếu tố về rủi ro liên quan đến nền kinh tế Việt Nam. Do thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, vì thế thị trường chứng khoán ở Việt Nam ít tương quan so với các thị trường chứng khoán ở các nước phát triển cũng như thị trường chứng khoán thế giới. Khi nền kinh tế Việt Nam biến động bất lợi thì khoản đầu tư vào Quỹ ETF DCFMVN30 sẽ bị thiệt hại mặc dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư</p> | <p>...</p> <p>4. Công ty quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:</p> <p>- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d, e và f khoản 3 mục 3.5 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 mục 3.5 Điều này.</p> <p>3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư</p> <p>Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu theo tỷ lệ tương ứng, tuy nhiên, trong một số trường hợp quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ ETF DCFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.</p> <p>4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ:</p> <p>4.1 Rủi ro đầu tư tại Việt Nam</p> <p>Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) bao gồm 30 chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên đầu tư vào Quỹ ETF DCFMVN30 nhà đầu tư có thể gặp những yếu tố về rủi ro liên quan đến nền kinh tế Việt Nam. Do thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, vì thế thị trường chứng khoán ở Việt Nam ít tương quan so với các thị trường chứng khoán ở các nước phát triển cũng như thị trường chứng khoán thế giới. Khi nền kinh tế Việt Nam biến động bất lợi thì khoản đầu tư vào Quỹ ETF DCFMVN30 sẽ bị thiệt hại mặc dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư</p> |
|--|--|

| | | | |
|---|--|---|--------------------|
| | <p>Quý ETF DCFVMVN30 sẽ bị thiệt hại mức dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư gặp phải khi đầu tư vào một đất nước nhất định.</p> | <p>gặp phải khi đầu tư vào một đất nước nhất định.</p> | |
| V. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ | | | |
| 8 | | Tóm tắt điều lệ quỹ | Bổ sung thông tin |
| VI. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF DCFVMVN30 | | | |
| 9 | <p>1. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp) 1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ <i>e. Phương thức giao dịch:</i> ... - Các lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển đến sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư, thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các lệnh giao dịch của mình thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch thừa (nếu có) cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi. - Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, và ngược lại Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. <i>h. Thời hạn tiếp nhận và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:</i> ... - ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, Quỹ ETF hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. 1.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi • Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định</p> | <p>1. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp) 1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ <i>e. Phương thức giao dịch:</i> ... - Các lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển đến sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư, thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các lệnh giao dịch của mình thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch thừa (nếu có) cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi. - Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, và ngược lại Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. ... <i>h. Thời hạn tiếp nhận và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:</i> ... - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, Quỹ ETF hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. 1.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi</p> | Cập nhật thông tin |

| | |
|---|---|
| <p>tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty quản lý quỹ DCVFM và theo các quy định về công bố thông tin.</p> <p>1.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. • Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) tại thời điểm kiểm tra sẽ xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quỹ ETF sẽ hoàn trả số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp (nếu có) trong vòng 0 () ngày làm việc sau khi có kết quả giao dịch hoán đổi do VSD cung cấp, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. <p>1.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ DCVFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. <p>1.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định</p> <p>...</p> <p>1) Trường hợp là pháp nhân, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty quản lý quỹ DCVFM và theo các quy định về công bố thông tin. • Giá dịch vụ phát hành được quy định tại Mục 1.1 Chương IX của Bản Cáo Bạch này. • Giá dịch vụ mua lại được quy định tại Mục 1.2 Chương IX của Bản Cáo Bạch này. <p>1.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. • Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) tại thời điểm kiểm tra sẽ xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quỹ ETF sẽ hoàn trả số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp (nếu có) trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau khi có kết quả giao dịch hoán đổi do VSD cung cấp, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. <p>1.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu</p> <p>...</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ DCVFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư |
|---|---|

| | | |
|--|--|--|
| <p>hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.</p> <p>2) Trường hợp hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.</p> <p>Ngay khi phát sinh các trường hợp quy định tại mục 1) và 2) ở trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý Quỹ DCVFM chưa bán được cho nhà đầu tư.</p> <p>Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục 1), 2) nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.</p> <p>1.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30</p> <p>...</p> <p>e. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.</p> | <p>bằng tiền trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.</p> <p>1.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định</p> <p>...</p> <p>1) Trường hợp là tổ chức, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.</p> <p>2) Trường hợp hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.</p> <p>Ngay khi phát sinh các trường hợp quy định tại mục 1) và 2) ở trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý Quỹ DCVFM chưa bán được cho nhà đầu tư.</p> <p>Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục 1), 2) nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan và sẽ được quỹ thực hiện sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền do việc hoán tất bán thành công những chứng khoán này.</p> <p>1.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30</p> | |
|--|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--------------------|
| | | <p>...</p> <p>e. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể sẽ dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi bổ sung (nếu có) của Thông tư 98/2020/TT-BTC;</p> <p>f. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.</p> | |
| VII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC | | | |
| 8 | <p>1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ DCVFM</p> <p>2. Thành viên lập quỹ</p> <p>4. Ngân Hàng Giám Sát Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) Văn phòng chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội. Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24)</p> <p>Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.</p> <p>Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.</p> <p>6. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện</p> | <p>1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ DCVFM Cập nhật số liệu tình hình hoạt động tới năm 2022</p> <p>1.3.1 Giới thiệu Ban đại diện Quỹ - Bà Nguyễn Bội Hồng Lê: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. - Bà Lê Thị Thu Hương: Thành viên Ban đại diện Quỹ. - Bà Phạm Thị Thanh Thúy: Thành viên Ban đại diện Quỹ. Chi tiết của Ban đại diện Quỹ ETF DCVFMVN30 của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn.</p> <p>2. Thành viên lập quỹ Cập nhật danh sách thành viên lập quỹ</p> <p>4. Ngân Hàng Giám Sát Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) Văn phòng chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 38378356</p> <p>Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.</p> <p>6. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện</p> | Cập nhật thông tin |

| | | |
|---|--|--|
| <p>Dịch Vụ Quản Trị Quỹ Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>7. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)</p> | <p>Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ...</p> <p>Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.</p> <p>7. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng Cập nhật tên gọi mới của VSD thành TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỮ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSDC)</p> | |
|---|--|--|

IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

| | | |
|--|---|---------------------------|
| <p>9 2. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: d. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng Giá đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, hoặc dưới các hình thức khác. • Công thức tính giá đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau: Giá đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá. • Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSD theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p>3. Các chi tiêu hoạt động 3.1 Tỷ lệ chi phí của quỹ <small>Chi phí của quỹ là các khoản chi phí sau thuế của tài sản ròng</small> • Tổng chi phí của quỹ (TTCF) là tổng của các khoản chi phí của quỹ được quy định trong Điều 40 của Công ty Quản lý Quỹ và Điều 40 của Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ chi phí (%) = $\frac{\text{Tổng chi phí của quỹ}}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$ • Trong hợp đồng thanh toán và hoạt động dưới mỗi năm, tỷ lệ chi phí được xác định theo công thức sau: Tỷ lệ chi phí (%) = $\frac{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình hàng kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ}}{\text{Giá trị tài sản ròng hàng kỳ báo cáo}}$</p> <p>3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ ETF DCVFMVN30 xác định theo công thức sau:</p> | <p>2. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: d. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng • Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế giá trị tăng (nếu có)). • Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau: Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá. • Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSD theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p> <p>h. Các loại phí và lệ phí khác ...</p> <p>• Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.</p> <p>3. Các chi tiêu hoạt động 3.1 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ ETF DCVFMVN30 xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tốc độ vòng quay danh mục} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng}}$ | <p>Cập nhật thông tin</p> |
|--|---|---------------------------|

| | | |
|--|---|--|
| <p>Tốc độ vòng quay danh mục (%) = $\frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$</p> <p>Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:</p> <p>Tốc độ vòng quay danh mục (%) = $\frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$</p> <p>3.3 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)</p> <p>Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:</p> $TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$ <p>Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:</p> $R_i = \ln \left[\frac{(\text{NAV/CU})_t}{(\text{NAV/CU})_{t-1}} \right] - \ln \left[\frac{(\text{Chỉ số tham chiếu})_t}{(\text{Chỉ số tham chiếu})_{t-1}} \right],$ $\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$ <p>Index: chỉ số tham chiếu VN30-TRI của Quỹ ETF DCFMVN30.</p> <p>Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.</p> | <p>mức (%) trung bình trong năm</p> <p>Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$ <p>3.2 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)</p> <p>Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:</p> $TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$ <p>Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:</p> $R_i = \ln \left[\frac{(\text{NAV/CU})_t}{(\text{NAV/CU})_{t-1}} \right] - \ln \left[\frac{(\text{Chỉ số tham chiếu})_t}{(\text{Chỉ số tham chiếu})_{t-1}} \right],$ $\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$ <p>Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.</p> | |
|--|---|--|

Ngày bắt đầu có hiệu lực: 21/09/2023

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:

- Điều Lệ/Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.



CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

LÊ HOÀNG ANH

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI KIỂM QUYỀN
GIÁM ĐỐC, NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hoán đổi danh mục.

Quỹ ETF DCVFMVN30 được mô tả trong Bản cáo bạch này là quỹ hoán đổi danh mục được thành lập theo Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bản cáo bạch này đã được đăng ký lần đầu tiên với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 04 tháng 07 năm 2014.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF DCVFMVN30

(Giấy chứng nhận thành lập số 14/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 18/09/2014)

Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ ngày 21/07/2023

CCông ty quản lý quỹ:

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3825 1488 Fax: (028) 3825 1489

Email: cskh@dragoncapital.com

Website: www.dragoncapital.com.vn

- Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3942 8168 Fax: (84.24) 3942 8169

- Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính sẽ được cung cấp tại công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định của Quỹ ETF DCVFMVN30 và tại trang web www.dragoncapital.com.vn

- Bản cáo bạch có thể được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông LÊ HOÀNG ANH – Giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư Địa chỉ:

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (028) 3825 1488 Fax: (028) 3825 1489

THÔNG TIN QUAN TRỌNG



Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ DCVFM không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF DCVFMVN30 do Công ty quản lý quỹ DCVFM và các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ DCVFM chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN30 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

Quỹ

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 5 |
| 1. Công ty quản lý quỹ | 5 |
| 2. Ngân hàng giám sát | 5 |
| II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA | 5 |
| III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ | 10 |
| 1. Kinh tế vĩ mô | 10 |
| 2. Giới thiệu Chỉ số tham chiếu | 14 |
| 3. Cơ hội đầu tư vào Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs) | 15 |
| IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF DCVFMVN30 | 17 |
| 1. Thông tin chung về Quỹ ETF DCVFMVN30 | 17 |
| 1.1 Giấy phép thành lập và quy mô Quỹ | 18 |
| 1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ | 18 |
| 2. Tình hình hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 | 18 |
| 3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ | 18 |
| 4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ | 21 |
| V. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ | 23 |
| VI. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF DCVFMVN30 | 28 |
| 1. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp) | 28 |
| 1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ | 28 |
| 1.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi | 31 |
| 1.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 | 31 |
| 1.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu | 34 |
| 1.5 Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cho nhà đầu tư | 35 |
| 1.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định | 35 |
| 1.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 | 36 |
| 1.8 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phí thương mại (cho, biểu, tặng, thừa kế...) | 37 |
| 1.9 Xác nhận giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ | 37 |
| 1.10 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ | 37 |
| 1.11 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 | 38 |
| 2. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp) | 38 |
| VII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC | 38 |
| 1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ DCVFM | 38 |
| 1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị | 39 |
| 1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ DCVFM | 39 |
| 1.3 Giới thiệu nhân viên quản trị quỹ | 39 |
| 2. Thành viên lập quỹ | 40 |

| | | |
|--------------|---|-----------|
| 3. | Danh sách Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ | 42 |
| 4. | Ngân Hàng Giám Sát | 42 |
| 5. | Công Ty Kiểm Toán | 42 |
| 6. | Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Quản Trị Quỹ | 42 |
| 7. | Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng | 42 |
| VIII. | Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ | 42 |
| 1. | Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng | 42 |
| 2. | Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng | 43 |
| IX. | GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | 48 |
| 1. | Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trả: | 48 |
| 1.1 | Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 | 48 |
| 1.2 | Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu | 49 |
| 2. | Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả: | 49 |
| 3. | Các chỉ tiêu hoạt động | 51 |
| 3.1 | Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ | 51 |
| 3.2 | Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE) | 52 |
| X. | PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ | 52 |
| XI. | XUNG ĐỘT LỢI ÍCH | 52 |
| XII. | CĂN CỨ PHÁP LÝ | 52 |
| XIII. | BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN | 53 |
| XIV. | ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ | 54 |
| XV. | CAM KẾT | 55 |

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Giấy phép điều chỉnh số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam. Điện thoại: 028 3825 1488 Fax: 028 3825 1489

Và chi nhánh tại:

Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3942 8168 Fax: (84-24) 3942 8169

Ông DOMINIC SCRIVEN Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông BEAT SCHURCH Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Bà MICHELE WEE SUNG SAN

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF DCVFMVN30 xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF DCVFMVN30 và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

| | |
|------------------------------------|--|
| "Quỹ ETF DCVFMVN30" | Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. |
| "Công ty Quản lý Quỹ" | Nghĩa là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM), được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM được nhà đầu tư uỷ thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ |
| "Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM" | (Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ |

| | |
|--|---|
| | của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |
| "Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội" | (Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |
| "Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam" | (Sau đây gọi tắt là VSDC) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |
| "Ngân hàng giám sát " | Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý, đồng thời giám sát hoạt động của Quý... Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ quỹ. |
| "Công ty kiểm toán" | Là công ty kiểm toán độc lập của Quý ETF DCVFMVN30, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý ETF DCVFMVN30 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định. |
| "Thành viên lập quỹ" | Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán hoặc Ngân hàng lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF DCVFMVN30 với Công ty quản lý quỹ DCVFM. |
| "Tổ chức tạo lập thị trường" | Là công ty chứng khoán làm Thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ DCVFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF DCVFMVN30. Công ty quản lý quỹ DCVFM có thể chỉ định một hoặc một số Thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường của Quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Đại lý phân phối" | Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 với Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ. |
| "Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan" | Là Ngân hàng lưu ký, VSDC, cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng. |
| "Điều lệ quỹ" | Bao gồm điều lệ quỹ ETF DCVFMVN30, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). |

| | |
|---|---|
| "Bản cáo bạch" | Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quý. |
| "Hợp đồng giám sát" | Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Nhà đầu tư" | Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Đại hội nhà đầu tư" | Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF DCVFMVN30. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Ban đại diện Quỹ" | Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30, Công ty quản lý quỹ DCVFM và Ngân hàng giám sát. |
| "Vốn điều lệ" | Là giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVN30 tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ. |
| "Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30" | Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF DCVFMVN30. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng. |
| "Lô chứng chỉ quỹ" | Một lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ và được quy định cụ thể tại mục 1, phần IV của Bản cáo bạch. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF DCVFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ DCVFM có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF tuy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) chứng chỉ quỹ. |
| "Chỉ số tham chiếu/ Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập)" | Là chỉ số do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM xây dựng và quản lý bao gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE |
| "Chứng khoán cơ cấu" | Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu không bao gồm chứng khoán phái sinh. |
| "Danh mục chứng khoán cơ cấu" | Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ DCVFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: |

- Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu).
- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

| | |
|--------------------------|--|
| "Giá phát hành lần đầu" | <p>Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.</p> |
| "Giá giao dịch hoán đổi" | <p>Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p> |
| "Giá trị giao dịch" | <p>Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối.</p> <p>Giá trị giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.</p> |
| "Giá dịch vụ phát hành" | <p>Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p> <p>Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành này sẽ được quy định tại bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.</p> |
| "Giá dịch vụ mua lại" | <p>Là giá dịch vụ mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại này sẽ được quy định tại bản cáo bạch này và Điều lệ Quỹ.</p> |
| "Lợi tức quỹ" | <p>Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF DCVFMVN30 sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.</p> |

| | |
|--|---|
| "Năm tài chính" | Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 được tính từ ngày Quỹ ETF DCVFMDCVFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. |
| "Giá trị tài sản ròng của quỹ" | Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá. |
| "Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ" | Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ" | Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30. |
| "Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ" | <p>(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 được xác định trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.</p> <p>Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ DCVFM và trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.</p> |
| "Ngày định giá" | Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVN30 theo quy định pháp luật hiện hành. |
| "Hoán đổi danh mục" | Là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF DCVFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ. |
| "Lệnh giao dịch hoán đổi" | Bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30, và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu. |
| "Ngày giao dịch hoán đổi" | Là ngày định giá mà Quỹ ETF DCVFMVN30, thông qua Công ty quản lý quỹ DCVFM, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục. |
| "Thời điểm đóng sổ lệnh" | Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14 giờ 44 phút tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T). Trong trường hợp có thay đổi thời điểm đóng sổ |

lệnh Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thông báo trước trên trang thông tin điện tử và cập nhật vào Bản cáo bạch.

“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”

Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ DCVFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phần ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng dịch vụ quản trị quỹ đã ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM;

“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”

Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ DCVFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;
- Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ DCVFM.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Kinh tế vĩ mô:

Kinh tế vĩ mô Việt Nam đã có sự ổn định rõ rệt trong giai đoạn 2016-2018 và được dự báo sẽ tiếp tục ổn định. Kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng bên cạnh việc gia tăng nội lực để đối phó với các tác động không tích cực từ bên ngoài. Việt Nam cũng là nước nhận được các lợi ích từ chiến tranh thương mại Mỹ - Hoa Kỳ. Việt Nam đang có các dự địa về chính sách và nguồn lực để đối phó với chu kỳ suy yếu tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn tới.

1.1. Kinh tế vĩ mô ổn định

Tăng trưởng GDP 2008-2018 & Quý 1 2019 (%)

GDP duy trì tốc độ tăng trưởng sau giai đoạn hồi phục

Sau giai đoạn suy thoái 2011-2014 với tốc độ tăng trưởng GDP giảm xuống dưới 6%, tăng trưởng GDP Việt Nam đã có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2016-2019. Bên cạnh đó hiệu quả hoạt động của nền kinh tế cũng được cải thiện rõ rệt khi lượng vốn được sử dụng để tạo ra sự tăng trưởng giảm. Việt Nam đang kỳ vọng duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2019-2021 trong bối cảnh thương mại và kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại do chu kỳ kinh tế và các căng thẳng thương mại giữa các khu vực kinh tế lớn gia tăng. Mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2019 được Chính phủ đặt ra là 6,8%, Quý 1 2019 GDP Việt Nam tăng 6,79%. Dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2020 và 2021 là 6,7 và 6,7%.

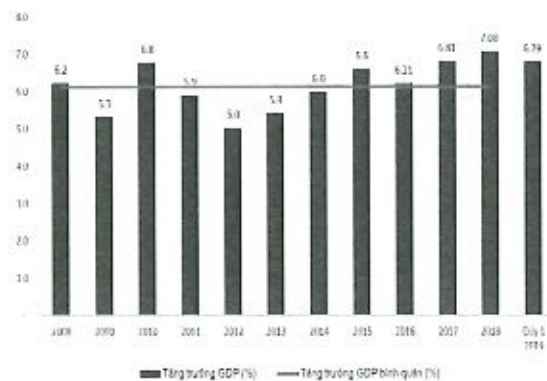
Hoạt động sản xuất liên tục duy trì mở rộng

Hoạt động sản xuất đã liên tục được mở rộng kể từ tháng 1 năm 2016. Hoạt động sản xuất của Việt Nam được duy trì mở rộng trong hoàn cảnh các nền kinh tế lân cận, đặc biệt là Trung quốc, có sự thu hẹp sản xuất. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn hiện tại và trung hạn là hoạt động sản xuất công nghiệp và xây dựng. Ngành chế biến chế tạo công nghiệp là ngành nhận được đầu tư nước ngoài lớn nhất (73,5% tổng vốn đầu tư nước ngoài trong 5 tháng đầu năm 2019 và 50,5% trong năm 2018) và là ngành có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ (11,6% so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng 2019 và 12,98% cho năm 2018). Việt Nam đã trở thành cứ điểm sản xuất của các hãng điện tử lớn và hoạt động sản xuất sẽ tiếp tục mở rộng trong giai đoạn tới do tác động của dòng vốn FDI và hoạt động dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

Áp dụng tỷ giá trung tâm và tỷ giá ổn định

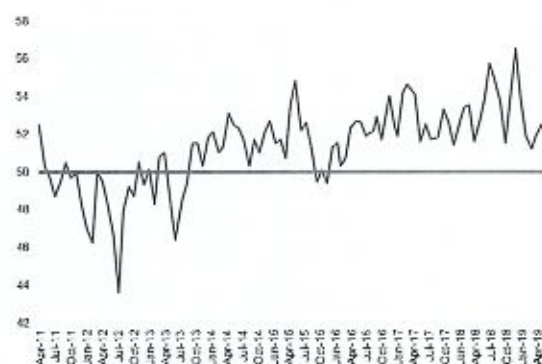
Tỷ giá VND-USD đã được kiểm soát với mức độ ổn định cao trong giai đoạn bắt đầu từ tháng 1 2018 khi SBV áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm. Việc áp dụng chính sách tỉ giá trung tâm và các công cụ thị trường khác (mua bán kỳ hạn USD, duy trì chênh lệnh lãi suất tiền gửi VND và USD...) và tác động tích cực từ dòng vốn vào Việt Nam (đến từ FDI, FII, bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kiều hối) đã cho phép SBV kiểm soát tỷ giá VND-USD và đối phó thành công với các áp lực lên tỷ giá VND khi thị trường thế giới biến động. Dự báo cho thấy năm 2019 đồng Việt Nam sẽ có thể mất giá 2%-3% so với USD. Sự ổn định tỷ giá sẽ được tiếp duy trì.

Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp

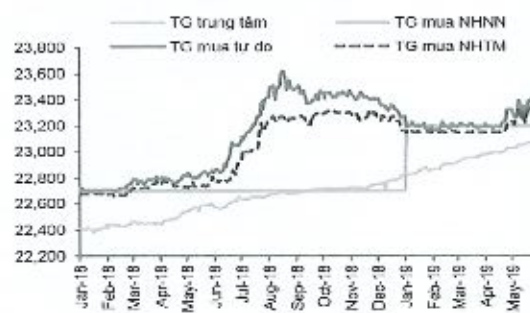


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Chỉ số Nhà quản lý mua hàng (Markit's PMI)

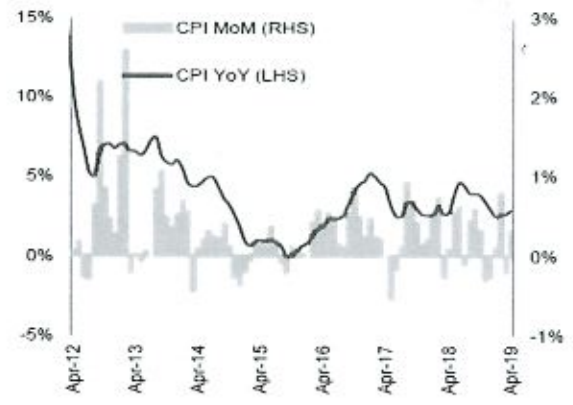


Nguồn: Markit



Nguồn: Reuter/DCVFM

Lạm phát được duy trì ổn định ở mức dưới 5% trong giai đoạn 2016-2019. Lạm phát các năm 2017 và 2018 duy trì ở mức 3,53% và 3,54%. Chính phủ đã chủ động điều chỉnh phù hợp về thời điểm đối với các đợt tăng giá dịch vụ y tế, học phí, giá điện... để đảm bảo kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó việc kiểm soát lạm phát cũng thuận lợi do giá nguyên vật liệu sản xuất thế giới trong giai đoạn có tốc độ tăng giá chậm. Lạm phát mục tiêu năm 2019 đã được Chính phủ đặt ra là dưới 4%. Trong trung hạn, các dự báo cho thấy lạm phát được duy trì ở mức dưới 5%, đây cũng là tỉ lệ lạm phát phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam và không gây nên các xáo trộn xã hội. Kiểm soát lạm phát là mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với chính sách tiền tệ Việt Nam.

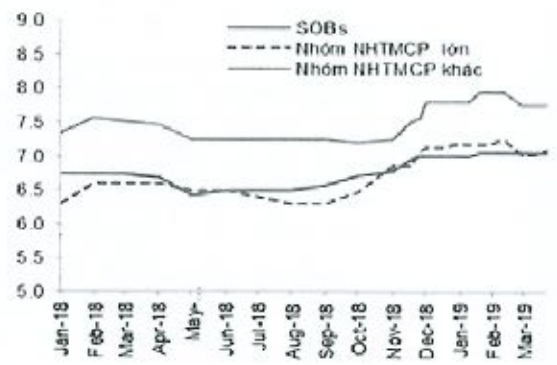


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Lãi suất cho vay được duy trì ổn định ở mức hợp lý

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã có sự suy giảm mạnh mẽ trong giai đoạn 2011-2019 và được duy trì ổn định trong giai đoạn 2016-2019. Trong giai đoạn trên, lãi suất cho vay bình quân các kỳ hạn biến động trong mức 9% - 9,5%. Mặt bằng lãi suất được duy trì và ít có biến động bất thường là kết quả của việc kiểm soát tốt thanh khoản của thị trường liên ngân hàng. Trong cùng giai đoạn từ 2012-2019, lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn cũng đã có sự điều chỉnh giảm mạnh và chính phủ đã phát hành được các trái phiếu có kỳ hạn lên tới 20 và 30 năm. Việc phát hành thành công các trái phiếu kỳ hạn dài đã thể hiện sự tin tưởng của thị trường đối với ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành của Chính phủ.

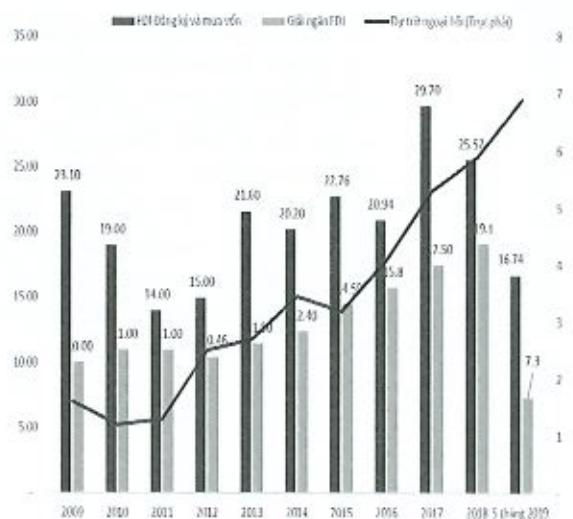
Biến động lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: SSI

Dự trữ ngoại hối gia tăng cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Việt Nam đang là điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khi các doanh nghiệp gia tăng hoạt động sản xuất tại Việt Nam. Xu hướng này đã bắt đầu từ 2017 và đang phát triển mạnh trong năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại. Dòng vốn FII và FII là hai trong các yếu tố chính tạo nên sự ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam trong giai đoạn từ đầu năm 2018. Trong giai đoạn Việt Nam đang thay đổi mô hình tăng trưởng, dòng vốn FDI và hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là cấu phần quan trọng duy trì sự tăng trưởng của nền kinh tế. Dòng vốn FDI cũng đã tạo điều kiện cho SBV duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt đối phó các biến động của kinh tế thế giới và gia tăng dự trữ ngoại hối của Việt Nam lên mức 69 tỷ USD trong tháng 5 2019 (tương đương 3,5 tháng nhập khẩu, cao nhất từ trước tới nay).

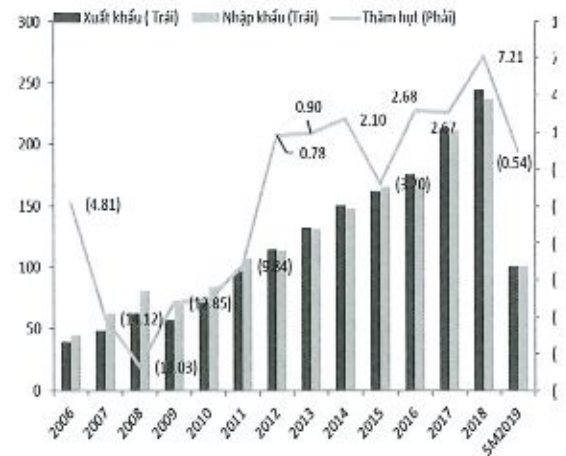


Nguồn: Tổng cục thống kê/DCVFM

Xuất khẩu và cán cân thương mại tích cực

Xuất khẩu được duy trì là một điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam khi liên tục có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân 13,4%/năm cho giai đoạn 2013-2018) và có tăng trưởng ở mức 21% trong năm 2017. Tăng trưởng xuất khẩu đã dẫn tới việc Việt Nam có thặng dư thương mại trong giai đoạn 2016-2018 (năm 2018 xuất siêu 7,21 tỷ USD). Việt Nam tiếp tục có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam đang trở thành điểm tiếp nhận sản xuất khi các doanh nghiệp chuyển hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc do tác động của chiến tranh thương mại. Dự báo xuất khẩu Việt Nam tăng trưởng 12% trong năm 2019.

Việt Nam đang nhận được các tác động tích cực từ chiến tranh thương mại khi các hoạt động sản xuất và xuất khẩu gia tăng. Đây là hai động lực chính cho tăng trưởng GDP của Việt Nam.



Nguồn: Tổng Cục Thống Kế

Kinh tế vĩ mô ổn định hỗ trợ tăng trưởng của thị trường chứng khoán

Số liệu cho thấy ổn định kinh tế vĩ mô và tốc độ tăng trưởng GDP có tác động rõ rệt tới kết quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các dự báo cho thấy Việt Nam có khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trên 6,5%/năm trong giai đoạn 2019-2021 đồng thời khảo sát cũng cho thấy tốc độ tăng trưởng thu nhập trên mỗi cổ phần cho toàn thị trường (dựa trên số liệu của 500 công ty niêm yết trên sàn chứng khoán) duy trì ở mức trên 13% cho giai đoạn nêu trên và có xu hướng gia tăng tốc độ tăng trưởng. Với các diễn biến hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đang được hưởng lợi từ các dòng tiền đầu tư và vị trí đặc biệt của Việt Nam trong các biến động phát sinh từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc. Các dự báo cho thấy kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định và thị trường cổ phiếu nhận được lợi ích từ sự ổn định kinh tế vĩ mô dưới nhiều góc độ, bao gồm kết quả hoạt động tốt của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng thu nhập trên cổ phần của 500 công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam và tăng trưởng GDP qua các năm



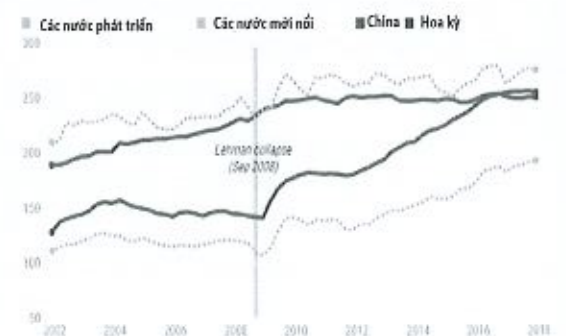
Nguồn: AlphaChart/DCVFM

1.2. Dự địa chính sách đối phó giai đoạn kinh tế thế giới suy yếu

Chu kỳ kinh tế Mỹ, sự suy yếu kinh tế thế giới và rủi ro từ gia tăng vay nợ

Trong tháng 6 năm 2019, các dự báo cho thấy kinh tế Mỹ sẽ đi vào chu kỳ suy giảm tăng trưởng trong 6 tới 18 tháng kể từ thời điểm dự báo. Bên cạnh đó các nền kinh tế đang phải đối mặt với rủi ro do dự nợ của các nền kinh tế tăng mạnh do tác động của chính sách nới lỏng tiền tệ sau giai đoạn khủng hoảng 2008. Mặt khác để hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng kinh tế, các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn đã duy trì mức lãi suất thấp trong khoảng thời gian dài. Các yếu tố trên dẫn tới rủi ro là các nền kinh tế lớn không có nhiều dự địa chính sách để đối phó khi nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng. Dự báo do Ngân hàng Thế giới công bố ngày 6/4/2019 cho thấy tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ ở mức 2,6% trong năm 2019 (giảm 0,3% so với dự báo công bố tháng 1 2019) so với mức tăng trưởng 3% trong năm 2018.

Dự nợ tăng mạnh sau khủng hoảng 2008 (tỷ lệ nợ của chính phủ và tư nhân – Không bao gồm nợ của các tổ chức tài chính – tính trên GDP (%))

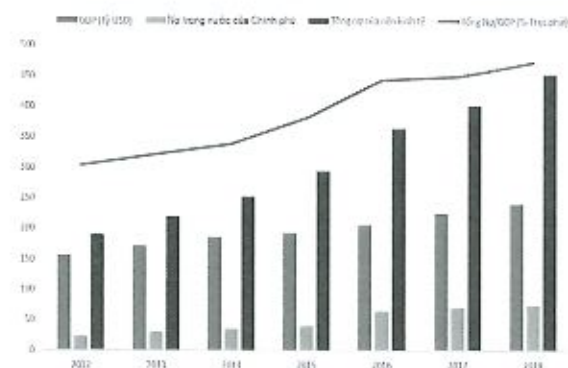


Nguồn: Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (IBS)

Việt Nam chủ động kiểm soát dư nợ

Việt Nam đã chủ động tiến hành các biện pháp kiểm soát nợ chính phủ và nợ tư nhân từ năm 2016. Nợ chính phủ đã được kiểm soát ở mức dưới 65% GDP (năm 2017 và 2018 tỷ lệ này là 61,2% và 61,3% GDP) Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế (năm 2017 tín dụng tăng 17%, năm 2018 tăng 14% và năm 2019 dự báo tăng 12%-14%) bên cạnh giảm tốc độ tăng cung tiền cho nền kinh tế (tốc độ tăng trưởng M2 các năm 2016-2018 là 17,88%, 14,19% và 11,34%) . Kết quả của việc kiểm soát nợ và tăng trưởng, ổn định kinh tế là việc Việt Nam được thay đổi định mức tín nhiệm với xu hướng tốt lên từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn trên thế giới trong năm 2018 và 2019.

Dư nợ của Việt Nam (tỷ USD) và tỷ lệ dư nợ trên GDP (%)

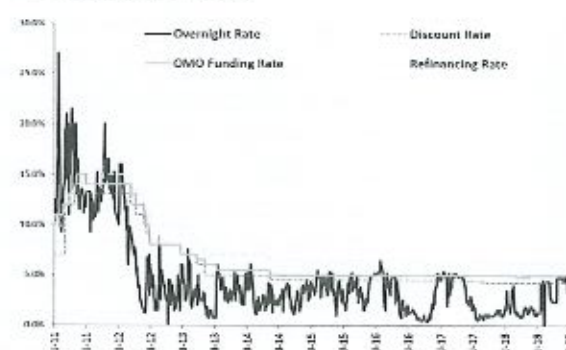


Nguồn: Tổng cục Thống kê/DCVFM

Dự địa điều chỉnh sách lãi suất

Việt Nam đang có các yếu tố hỗ trợ tốt để đối phó với chủ kỳ giảm tăng trưởng kinh tế sắp tới khi dự địa về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành vẫn được hiện hữu khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam duy trì lãi suất không đổi (từ năm 2014) trong giai đoạn vừa qua. Với mặt bằng dư nợ không cao và khả năng điều chỉnh giảm lãi suất, Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc điều tiết chính sách tiền tệ và tài khóa khi cần hỗ trợ cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đây sẽ là tiền đề cho sự ổn định và tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, thị trường chứng khoán sẽ được hưởng lợi từ các yếu tố này.

Lãi suất duy trì ổn định



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước/DCVFM

2. Giới thiệu Chỉ số tham chiếu

Chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) là chỉ số thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tính toán để tái đầu tư vào chỉ số VN30 (theo phương pháp chỉ số giá). Chỉ số VN30 là bao gồm 30 công ty có giá trị vốn hoá và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Trong đó tư cách tham gia vào chỉ số bao gồm những tiêu chí như sau:

Tiêu chí về niêm yết:

Cổ phiếu không thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, diện kiểm soát đặc biệt, diện tạm ngưng giao dịch (ngoại trừ tạm ngưng giao dịch do các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập... dưới 30 ngày giao dịch) trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc nhóm 05 công ty lớn nhất (top-5) thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng.

Tiêu chí về tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float):

Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi tỷ lệ tự do chuyển nhượng của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể :

- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng lớn hơn 10% : đáp ứng điều kiện tham gia vào Bộ chỉ số.

- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng nhỏ hơn hoặc bằng 10% : loại khỏi chỉ số, ngoại trừ cổ phiếu có giá trị vốn hóa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng (GTVHFF) lớn hơn hoặc bằng 2.000 tỷ đồng đối với cổ phiếu thuộc bộ chỉ số kỹ trước, và lớn hơn hoặc bằng 2.500 tỷ đồng đối với các cổ phiếu mới.

Tiêu chí về thanh khoản:

Cổ phiếu tham gia vào chỉ số đảm bảo thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio) như sau :

$$\text{Tỷ suất quay vòng chứng khoán} = \frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ xem xét (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân sau điều chỉnh free float trong kỳ xem xét}}$$

(*) Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận

- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỹ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỹ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại khỏi.

Các cổ phiếu tiếp tục được xem xét theo tiêu chí thanh khoản về khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân hàng ngày (KLGD_KL) và giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân hàng ngày (GTGD_KL) như sau :

- Cổ phiếu có KLGD_KL nhỏ hơn 100.000 cổ phiếu sẽ bị loại.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỹ trước có GTGD_KL nhỏ hơn 9 tỷ đồng sẽ bị loại.
- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỹ trước có GTGD_KL nhỏ hơn 10 tỷ đồng sẽ bị loại.

Nếu danh sách không đủ tối thiểu 50 cổ phiếu thì lựa chọn các cổ phiếu theo thứ tự giảm dần về GTGD_KL sao cho đủ tối thiểu 50 cổ phiếu.

Tiêu chí về giá trị vốn hoá :

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí về niêm yết, về tỷ lệ tự do chuyển nhượng và về thanh khoản gọi là danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân trong 12 tháng chưa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng.

- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên luôn được chọn vào rổ chỉ số;
- Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số kỹ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu.
- Chọn 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn vào rổ chỉ số sẽ được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của chỉ số bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét.

Chỉ số được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hoá thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu thành phần của chỉ số sẽ được xem xét lại 6 tháng/lần và thời điểm áp dụng vào thứ Hai tuần thứ nhất của tháng 2 và tháng 8 hàng năm. Thời điểm áp dụng cập nhật về khối lượng lưu hành và tỷ lệ tự do chuyển nhượng định kỳ 03 tháng/lần vào thứ Hai tuần thứ nhất của tháng 2, 5, 8, 11 hàng năm.

Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số là 10%. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được thực hiện định kỳ 03 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ.

Thông tin cập nhật về chỉ số, vui lòng tham khảo tại trang web www.hsx.vn.

3. Cơ hội đầu tư vào Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs)

3.1 Quá trình phát triển của Quỹ ETFs

Trên thị trường tài chính thế giới sau khi hình thành các quỹ đóng và quỹ mở đáp ứng mục tiêu đầu tư của các cá nhân và tổ chức thì ý tưởng của ra đời về một quỹ đầu tư chỉ số đã xuất hiện từ năm 1973 bởi ngân hàng Well Fargo và ngân hàng Quốc gia Mỹ cho các khách hàng tổ chức. Hai năm sau đó, quỹ đầu tư chỉ số đại

chúng chính thức ra mắt vào ngày 31 tháng 12 năm 1975 tại thị trường Mỹ với tổng tài sản là 11 triệu đô la Mỹ, quỹ mô phỏng chỉ số S&P 500. Đến năm 1999, tổng tài sản quản lý của quỹ này đã lên đến 100 tỷ Đô La Mỹ. Tuy nhiên, quỹ ETF đầu tiên hình thành và giao dịch trên thị trường tài chính Mỹ vào tháng 01 năm 1993 là S&P 500 Depository Receipt (SPDR) được quản lý bởi State Street Global Advisors. Những năm sau đó, hàng loạt các định chế tài chính lớn đã liên tục cho ra những sản phẩm quỹ ETF. Trong đó, các tên tuổi lớn phải nói đến là Barclays Global Investors bắt đầu xâm nhập vào lĩnh vực này vào năm 1996, State Street Global Advisors vào năm 1998 và Vanguard bắt đầu đưa ra các sản phẩm ETF vào năm 2001. Không lâu sau đó vào năm 1999 thị trường tài chính châu Á cho ra đời quỹ ETF đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hong Kong. Vào năm 2001, quỹ ETF đã xuất hiện tại thị trường tài chính châu Âu. Cho đến cuối năm 2011, đã có đến trên 15 định chế tài chính lớn trên thế giới phát hành các sản phẩm ETF.

Có thể thấy, từ chỉ một quỹ ETF vào năm 1993 thì đến 9 năm sau thị trường tài chính thế giới đã đón nhận khoảng 246 quỹ ETF, trong đó lớn nhất là thị trường châu Âu với 109 quỹ ETF, tiếp theo là thị trường Mỹ với 102 quỹ ETF, thị trường châu Á và Canada tương ứng có 24 và 14 quỹ ETF. Loại hình đầu tư này ngày càng phổ biến nhanh chóng ở các thị trường. Theo thống kê từ BlackRock, năm 2007 có đến 1.541 các sản phẩm liên quan đến ETF tăng gần gấp đôi so với năm trước đó với tổng giá trị tài sản quản lý 851 tỷ đô la Mỹ. Ba năm sau đó vào năm 2010 số lượng này đã lên đến 3.543 sản phẩm với giá trị tài sản 1.483 tỷ đô la Mỹ, tăng hơn hai lần so với năm 2007. Và tính đến tháng 08 năm 2014 thì số lượng này đã tăng lên 5.266 sản phẩm với giá trị tài sản 2.700 tỷ đô la Mỹ, một sự tăng trưởng bùng nổ về quy mô sản phẩm ETF. Không những về quy mô, sản phẩm về quỹ ETF còn mở rộng và phát triển trên nhiều lĩnh vực khác như quỹ ETF tập trung cho ngành, quỹ ETF về hàng hóa, về trái phiếu, về hợp đồng tương lai và nhiều lớp tài sản khác. Mặc dù có nhiều diễn biến bất lợi tại thị trường tài chính thế giới trong những năm gần đây nhưng thị trường quỹ ETF vẫn ngày một phát triển và phổ biến.

3.2 Lợi ích của việc đầu tư vào quỹ ETFs

Sau đây là một số điểm khác biệt chính thu hút được nhiều nhà đầu tư cá nhân và tổ chức quan tâm và tham gia đầu tư vào quỹ ETF:

- Quỹ ETF là quỹ đầu tư thụ động theo chỉ số với phần lớn thời gian quỹ nắm giữ tài sản tương ứng với danh mục chứng khoán cấu thành chỉ số tham chiếu. Chi phí mà quỹ phải trả thấp hơn nhiều so với các quỹ đầu tư chủ động khác. Thông thường chi phí hoạt động của quỹ từ 0,75% đến 1,5% một năm so với 2% đến 3% một năm đối với các quỹ đầu tư chủ động. Vì thế, đầu tư vào quỹ ETF là một phương thức đầu tư giá thấp và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư.
- Do quỹ ETF được giao dịch như cổ phiếu thông thường và kết quả hoạt động của quỹ gần giống như chỉ số tham chiếu nên quỹ ETF là một công cụ giúp nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể đầu tư nhanh chóng vào thị trường chứng khoán hoặc vào nhóm ngành nghề nhất định trong thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư thay vì phải mất thời gian lựa chọn và mua bán nhóm cổ phiếu theo tiêu chí ưa thích thì nhà đầu tư đó có thể chọn đầu tư vào một quỹ ETF mô phỏng chỉ số tương đồng với nhóm cổ phiếu đó.
- Đầu tư vào quỹ ETF mang lại sự linh động cho các nhà đầu tư. Chứng chỉ quỹ ETF vừa giao dịch trên thị trường như một chứng chỉ quỹ đóng thông thường vừa giao dịch trực tiếp với công ty quản lý quỹ thông qua phương thức giao dịch hoán đổi từ thành viên lập quỹ. Vì thế đầu tư vào quỹ ETF thừa hưởng những ưu điểm của dạng hình quỹ đóng và quỹ mở. Nhà đầu tư dễ dàng mua bán trên thị trường với số lượng nhỏ như một cổ phiếu thông thường với giá tiệm cận với giá trị tài sản ròng của quỹ mà vừa có thể giao dịch lô lớn với công ty quản lý quỹ nếu xét thấy thị trường giao dịch không đảm bảo thanh khoản.
- Quỹ ETF là một dạng hình quỹ chỉ số đại diện thị trường, tức là mục tiêu mô phỏng theo một chỉ số nhất định chứ không phải mục tiêu đạt lợi nhuận cao hơn chỉ số đó. Tức là, kết quả hoạt động của quỹ ETF bám sát kết quả của chỉ số tham chiếu. Và đa số các chỉ số mà quỹ ETF mô phỏng đều được thiết kế mang tính đại diện cao cho một thị trường hoặc một nhóm ngành nhất định. Do đó, đầu tư vào quỹ ETF giúp giảm thiểu rủi ro phi hệ thống và chi phí mà quỹ ETF phải bỏ ra là thấp hơn so với các quỹ chủ động khác.
- Quỹ ETF là một trong những loại hình đầu tư có tính minh bạch cao. Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ đóng hoặc quỹ mở không thể biết được hết danh mục đầu tư của quỹ. Nhưng với quỹ ETF nhà đầu tư được biết rõ danh mục đầu tư của quỹ trước khi nhà đầu tư quyết định đầu tư vào quỹ và hàng ngày

nhà đầu tư có thể theo dõi danh mục của quỹ để chủ động đưa ra những quyết định mua bán của mình khi xét thấy thị trường thay đổi. Đầu tư vào quỹ đóng hay quỹ mở thông thường thì nhà đầu tư chỉ có thể biết được giá trị của khoản đầu tư của mình theo định kỳ công bố giá trị tài sản ròng từ phía công ty quản lý quỹ, có thể là hàng tuần hoặc hàng ngày sau khi kết thúc giao dịch của thị trường. Tuy nhiên, đầu tư vào quỹ ETF nhà đầu tư biết được kết quả khoản đầu tư của mình từng phút từng giờ nhờ cơ chế định giá tài sản ròng tham chiếu.

Tóm lại, quỹ ETF là một dạng sản phẩm đơn giản, dễ hiểu, mang tính đại diện thị trường, hạn chế rủi ro lựa chọn cổ phiếu, tính minh bạch cao, dễ dàng giao dịch, chi phí thấp và mang đến nhiều cơ hội đối với nhà đầu tư. Đầu tư vào quỹ ETF là dạng quỹ thụ động nhưng lại đáp ứng nhu cầu đầu tư chủ động của nhà đầu tư, tức là nhà đầu tư có thể chủ động mua vào hoặc bán ra chứng chỉ quỹ ETF mà không gặp bất cứ trở ngại nào trong quá trình phân tích thông tin thị trường.

IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF DCVFMVN30

1. Thông tin chung về Quỹ ETF DCVFMVN30

- Tên Quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN30
 - Tên tiếng Anh: DCVFMVN30 ETF
 - Hình thức của Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục
 - Đối tượng góp vốn vào Quỹ:
 - Nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam và đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của TT98/2020/TT-BTC.
 - Các thành viên lập quỹ chỉ định.
 - Thời hạn hoạt động của Quỹ: Không giới hạn.
 - Vốn điều lệ huy động lần đầu: 202.000.000.000 (hai trăm lẻ hai tỷ) đồng
 - Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF: 10.000 (mười ngàn) Việt Nam Đồng.
 - Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng
 - Số lượng lô chứng chỉ quỹ đăng ký mua tối thiểu: 1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF.
 - Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập).
 - Hình thức sở hữu: Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.
 - Thời gian gia hạn phát hành: Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ Quỹ.
- Địa điểm phát hành:
 - Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)**
Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.
 - Chi nhánh Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)**
Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
 - Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:
 - Tổ chức phát hành: Quỹ ETF DCVFMVN30
 - Đại diện phát hành: Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)
 - Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
 - Công ty kiểm toán dự kiến: Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty

Thành viên lập quỹ:

Danh sách các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

1.1 Giấy phép thành lập và quy mô Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 04/7/2014; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ ETF DCVFMVN30 số 14/GCN-UBCK ngày 18/09/2014 và Giấy chứng nhận số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 04 năm 2021 về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng.

Vào ngày 29/9/2014, Quỹ ETF DCVFMVN30 đã được Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM cấp Quyết định niêm yết chứng chỉ quỹ số 375/QĐ-SGDHCM ngày 29/09/2014.

Trong giai đoạn phát hành chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lần đầu ra công chúng, vốn điều lệ đã huy động là 202.000.000.000 (hai trăm lẻ hai tỷ) đồng Việt Nam và tương ứng với 202 (hai trăm lẻ hai) lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười ngàn) Đồng.

1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN30 là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF DCVFMVN30 có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF DCVFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các yêu cầu tại điểm a, mục I, Chương VI của Bản cáo bạch này.

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. Tình hình hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30

Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động của các quỹ và các báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sau kiểm toán đều được cập nhật cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Dragon Capital Việt Nam.

3. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập).

3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF DCVFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số **tham chiếu** có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số **tham chiếu** về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

3.3 Tài sản đầu tư của Quỹ

Danh mục được đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN30 bao gồm các chứng khoán trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- f. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

3.4 Lĩnh vực đầu tư

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN30 phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 3 Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của quỹ ETF DCVFMVN30 phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN30 phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:
 - a. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3.3 Điều 3 Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c. Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và e khoản 3.3, Điều 3, Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - d. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó,
 - e. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - f. Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
 - g. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
 - h. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c và e khoản 2 Điều 3.5 này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, của các tổ chức phát hành;

- c. Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - e. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - f. Quỹ đang trong thời gian, giải thể.
4. Công ty quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:
- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, d e và f khoản 3 mục 3.5 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 mục 3.5 Điều này.
 - Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- a. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c. Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
 - d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

3.6 Hạn chế vay

Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

Công ty quản lý DCVFM không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu theo tỷ lệ tương ứng. tuy nhiên, trong một số trường hợp quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào quỹ:

Kết quả đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết hoặc bảo đảm sẽ đạt được mục tiêu đề ra bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ hay bất kỳ tổ chức nào.

Đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN30 là đầu tư vào thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN30 và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

4.1 Rủi ro đầu tư tại Việt Nam

Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 (theo phương pháp tổng thu nhập) bao gồm 30 chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN30 nhà đầu tư có thể gặp những yếu tố về rủi ro liên quan đến nền kinh tế Việt Nam. Do thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, vì thế thị trường chứng khoán ở Việt Nam ít tương quan so với các thị trường chứng khoán ở các nước phát triển cũng như thị trường chứng khoán thế giới. Khi nền kinh tế Việt Nam biến động bất lợi thì khoản đầu tư vào Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ bị thiệt hại mặc dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư gặp phải khi đầu tư vào một đất nước nhất định.

4.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi giá trị các tài sản của Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian do tác động bởi nền kinh tế hoặc những yếu tố không lường trước được. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

4.3 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 trong tương lai.

4.4 Rủi ro đầu tư cổ phiếu

Giá trị của những cổ phiếu được nắm giữ bởi Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể sụt giảm do thị trường nói chung, tình hình kinh tế, nhận thức về thị trường của các nhà đầu tư, hoặc các yếu tố liên quan đến các tổ chức phát hành cụ thể mà Quỹ thực hiện đầu tư. Các cổ phiếu giao dịch trên thị trường có thể đạt mức lợi nhuận lớn hơn so với các chứng khoán nợ với thu nhập nhận cố định như trái phiếu, do đó đầu tư vào cổ phiếu cũng sẽ phải chịu rủi ro lớn hơn so với đầu tư vào các chứng khoán nợ.

4.5 Rủi ro mô phỏng chỉ số (Index Tracking Risk)

Lợi nhuận của Quỹ ETFDCVFMVN30 có thể sẽ sai lệch so với chỉ số tham chiếu với nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, trong quá trình hoạt động Quỹ phải chi trả các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán để cân chỉnh danh mục. Ngoài ra, Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu do nguyên nhân cản tuân thủ theo pháp luật hoặc thanh khoản một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu không đảm bảo. Đây là những nguyên nhân chính làm phát sinh mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu.

4.6 Rủi ro quản lý danh mục mô phỏng

Không giống như các quỹ đầu tư khác, Quỹ ETF DCVFMVN30 không phải là quỹ đầu tư quản lý "chủ động" (actively). Có nghĩa là, trừ khi một cổ phiếu cụ thể bị đưa ra khỏi chỉ số tham chiếu, Quỹ nói chung trong điều kiện bình thường sẽ không bán bất kỳ một chứng khoán trong danh mục của Quỹ do cổ phiếu đó gặp bất lợi về tài chính hay một sự kiện doanh nghiệp nào đó. Nhưng nếu một cổ phiếu nào đó bị đưa ra khỏi chỉ số tham chiếu, Quỹ sẽ thực hiện bán chứng khoán đó bất kể chứng khoán đó đang có xu hướng tăng hay giảm giá trên thị trường. Vì vậy, kết quả hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể thấp hơn so với các quỹ chủ động

thay đổi danh mục đầu tư tài sản để tận dụng cơ hội thị trường hoặc để giảm bớt tác động của sự suy giảm của thị trường.

4.7 Rủi ro chênh lệch giá (Premium/Discount Risk)

Giao dịch mua bán chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) có thể phát sinh chênh lệch giữa giá giao dịch trên Sở giao dịch và giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ. Nguyên nhân có thể là do sự biến động thị trường có thể dẫn đến giá trị cổ phiếu trong danh mục đầu tư của quỹ thay đổi hoặc do giá giao dịch chứng chỉ quỹ biến động từ sự biến động của giá trị tài sản ròng của quỹ hoặc từ cung cầu trên thị trường. Do đó, nếu nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường cao hơn NAV hoặc bán chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường thấp hơn NAV thì nhà đầu tư có thể bị thiệt hại.

4.8 Rủi ro đầu tư tập trung

Danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành cụ thể tương ứng với sự tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành của chỉ số tham chiếu. Công ty trong lĩnh vực này có thể chịu rủi ro về kinh tế, chính trị hay các điều kiện khác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu, từ đó, có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

4.9 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Nhà đầu tư thực hiện mua bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 trên sàn giao dịch phụ thuộc vào thanh khoản của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Điều này phát sinh rủi ro đối với nhà đầu tư muốn mua hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 ngay trên sàn giao dịch nhưng không thể thực hiện khi thanh khoản chứng chỉ quỹ thấp. Nhưng đối với nhà đầu tư đáp ứng điều kiện giao dịch hoán đổi thì có thể thực hiện giao dịch với công ty quản lý quỹ thông qua thành viên lập quỹ.

4.10 Rủi ro chờ thanh toán T+

Quỹ ETF DCVFMVN30 phải phù hợp về cơ cấu và tỷ trọng tài sản với chỉ số tham chiếu. Mọi sự thay đổi định kỳ hay bất thường của chỉ số tham chiếu đều dẫn đến sự thay đổi cơ cấu và tỷ trọng của Quỹ. Chỉ số tham chiếu sẽ loại bỏ cổ phiếu ra và thêm cổ phiếu vào ngay tức thì tại ngày thay đổi. Tuy nhiên đối với quy định thanh toán T+ và hạn chế vay, Quỹ không thể thực hiện bán chứng khoán ra khỏi chỉ số để mua những chứng khoán thêm vào chỉ số ngay tại ngày hiệu lực của sự thay đổi đó. Trong suốt thời gian T+ đó, chứng khoán thêm vào chỉ số có thể biến động tăng hoặc giảm, gây nên sự sai lệch giữa kết quả hoạt động của Quỹ và chỉ số tham chiếu.

4.11 Rủi ro hủy niêm yết

Trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) liên tục trong 03 tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ không thể thực hiện việc mua bán. Trong thời gian đó nhà đầu tư có thể bị thiệt hại khi nắm giữ chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30.

4.12 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ phát sinh từ các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ thực hiện thanh toán sớm những loại chứng khoán nợ phát sinh từ các tài sản của Quỹ.

4.13 Rủi ro trong giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (Redemption Risk)

Việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tiến hành giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó... Khi đó công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán này. Như vậy, rủi ro có thể phát sinh khi thanh khoản của thị trường thấp hoặc thị giá của chứng khoán đó giảm, dẫn đến số tiền nhận được của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tài sản tại ngày giao dịch hoán đổi.

V. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ

Nhà đầu tư cần lưu ý những nội dung tại Chương V này là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ, để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ của Quỹ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Bản cáo bạch này và Điều lệ của Quỹ, các quy định của Điều lệ Quỹ sẽ được áp dụng.

1. Các Điều khoản chung

Các Điều khoản chung được quy định tại Chương 1 của Điều lệ Quỹ, bao gồm 7 điều, từ điều 1 đến điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời hạn hoạt động của Quỹ, nguyên tắc tổ chức, tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán, chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ, các thông tin cơ bản về Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Cụ thể, vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là hai trăm lẻ hai (202) tỷ đồng Việt Nam và tương ứng với hai trăm lẻ hai (202) lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

2. Các quy định về Mục Tiêu, Chính Sách Và Hạn Chế Đầu Tư

Quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ được quy định tại Chương II của Điều lệ Quỹ, bao gồm 4 điều, từ điều 8 đến điều 11, quy định về mục tiêu, chiến lược đầu tư, hạn chế đầu tư, phương pháp lựa chọn đầu tư của Quỹ. Những nội dung này được trình bày tại Mục 3 Chương IV của Bản Cáo Bạch này.

3. Đặc trưng của Chứng Chỉ Quỹ Đầu Tư

Những đặc trưng của Quỹ được quy định tại Chương III của Điều lệ Quỹ, bao gồm 4 điều từ điều 12 đến điều 15, quy định chung về Nhà Đầu Tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư, tiêu chí điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà đầu tư, Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

Theo quy định tại điều 12 của Điều lệ Quỹ, Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu ít nhất là một (01) chứng chỉ quỹ ETF. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có nghĩa vụ khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ ETF. Việc tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ ETF. Công ty quản lý quỹ và người có liên quan của Công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn lập quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 15 của Điều lệ Quỹ, cụ thể như sau:

- Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF và ngược lại theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
- Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
- Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
- Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư; tuân thủ Điều lệ Quỹ;

- j. Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ Quỹ ETF, tiền mua chứng chỉ Quỹ ETF như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- l. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
 - Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- m. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
- n. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại điểm l, m Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm l Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Theo quy định tại Điều 14, Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư cụ thể như sau:

- Nhà đầu tư có sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF, ngoại trừ trường hợp Nhà đầu tư thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF bổ sung bằng tiền và/hoặc Thành viên lập Quỹ, Đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư.
- Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.
- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông tại Thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Quy định chi tiết về sổ đăng ký nhà đầu tư được trình bày tại điều 15 Điều lệ Quỹ.

4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

Các quy định về giao dịch chứng chỉ quỹ được quy định tại Chương III Điều lệ Quỹ, bao gồm các quy định về giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF (giao dịch sơ cấp), giao dịch chứng chỉ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp), giá phát hành lần đầu và giao dịch hoán đổi và chuyển nhượng phi thương mại, thừa kế chứng chỉ quỹ được thể hiện tại các điều từ 16 cho đến 19 của Điều lệ Quỹ.

Quy định về giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF (giao dịch sơ cấp), giao dịch chứng chỉ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp), giá phát hành lần đầu và giao dịch hoán đổi và chuyển nhượng phi thương mại, thừa kế chứng chỉ quỹ được trình bày cụ thể tại Chương VI của Bản Cáo Bạch này.

5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch chứng chỉ quỹ

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được quy định tại Chương XII của Điều lệ Quỹ, bao gồm 2 điều, từ điều 51 đến điều 52, quy định về xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.

Nguyên tắc xác định giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được trình bày tại Mục 1,2 Chương XII của Bản Cáo Bạch này. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ được trình bày cụ thể tại Chương VIII của Bản Cáo Bạch này.

6. Giá dịch vụ

Quy định về các loại giá dịch vụ, phí và các chi phí hoạt động được quy định tại Chương XIII của Điều lệ Quỹ, bao gồm 2 điều, từ điều 55 đến điều 56, quy định về các loại giá dịch vụ, phí do quỹ trả, chi phí của quỹ.

Các vấn đề nêu trên đã được trình bày cụ thể tại Chương IX của Bản Cáo Bạch này.

7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Các vấn đề về thu nhập của quỹ, phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định tại điều 53 và điều 54 Chương XIII của Điều lệ Quỹ và được quy định định cụ thể tại Chương X của Bản Cáo Bạch này.

8. Đại hội Nhà đầu tư

Các Quy định về Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Chương IV của Điều lệ Quỹ, bao gồm 4 điều, từ điều 20 đến điều 23, quy định về những nội dung liên quan đến Đại hội Nhà đầu tư, Đại hội Nhà đầu tư bất thường, quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư, điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư, thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư..

Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.

Đại hội Nhà đầu tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty quản lý quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và của pháp luật. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại điều 22 của Điều lệ Quỹ.

Đại hội Nhà đầu tư có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện quỹ; Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- Quyết định chính sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ;
- Phương án phân phối lợi tức.
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ, phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- Giải thể, sáp nhập quỹ, hợp nhất, chia, tách quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có);
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

Các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành. Ngoại trừ quyết định về

các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; Tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; Thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ thì chỉ được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành và phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Nhà đầu tư phản đối các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư liên quan đến các vấn đề được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) chấp thuận có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình số hữu theo quy định tại khoản 9 điều 23 Điều lệ Quỹ.

9. Ban đại diện Quỹ

Các quy định về Ban đại diện Quỹ được thể hiện tại Chương V của Điều lệ Quỹ, bao gồm 7 điều, từ điều 24 đến điều 30, quy định những nội dung về Ban đại diện Quỹ, bao gồm số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn, thành viên Ban đại diện Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ, chủ tịch Ban đại diện Quỹ, thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ, miễn nhiệm/ bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ, cuộc họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong Ban đại diện Quỹ phải có :

- Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
- Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
- Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ;
- Giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
- Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
- Có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát;
- Kiến nghị việc thay đổi Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
- Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp

luật; Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm;

- Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ (không bao gồm chức danh Chủ tịch Ban đại diện Quỹ);
- Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
- Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ nhà đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho nhà đầu tư vay tiền;
 - Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
- Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
- Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
- Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ban đại diện;
- Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Thành viên của Ban đại diện hoặc Thư ký Ban đại diện là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao;
- Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Quỹ, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ Quỹ nếu được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền; Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điều này, Ban đại diện, thông qua công ty quản lý quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
- Ban hành Thông báo việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đương nhiên theo quy định của Điều lệ Quỹ;
- Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

10. Công ty quản lý Quỹ

Các quy định về Công ty quản lý Quỹ được thể hiện tại Chương VI Điều lệ Quỹ, bao gồm 4 điều, từ điều 31 đến điều 34, quy định cụ thể về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ, hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ. Những thông tin chung của Công ty quản lý Quỹ được trình bày tại Mục 1 Chương VII của Bản Cáo Bạch này, Nhà đầu tư tham khảo thêm điều 31 đến điều 34 của Điều lệ Quỹ, để biết

thêm thông tin về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ, hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ.

11. Ngân hàng giám sát

Các quy định về Ngân hàng giám sát được thể hiện tại Chương VII Điều lệ Quỹ, bao gồm 3 điều, từ điều 35 đến điều 37, quy định cụ thể về tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát, hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát. Những thông tin chung của Ngân hàng giám sát được trình bày tại Mục 4 Chương VII của Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư tham khảo thêm điều 35 đến điều 37 của Điều lệ Quỹ, để biết thêm thông tin về tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát, hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát.

12. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương VIII quy định về các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, bao gồm 5 điều, từ điều 38 đến điều 42, quy định cụ thể về các hoạt động được ủy quyền của Quỹ, tiêu chí lựa chọn các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền, chấm dứt hoạt động ủy quyền. Các tổ chức được ủy quyền cung cấp các dịch vụ liên quan cho Quỹ được trình bày tại Mục 6 Chương VII của Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư tham khảo thêm điều 38 đến điều 42 của Điều lệ Quỹ, để biết thêm thông tin về các hoạt động được ủy quyền của Quỹ, tiêu chí lựa chọn các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với các hoạt động đã ủy quyền, chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Chương IX quy định về Thành viên lập quỹ và Tổ chức tạo lập thị trường, bao gồm 3 điều, từ điều 43 đến điều 45, quy định cụ thể về điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ, quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường. Thông tin Thành viên lập quỹ được thể hiện tại mục 2 Chương VI của Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư tham khảo thêm điều 43 đến điều 45 của Điều lệ Quỹ, để biết thêm thông tin điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ, quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường.

Chương X quy định về Đại lý phân phối, bao gồm 2 điều, từ điều 46 đến điều 47, quy định cụ thể về điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối, hoạt động của Đại lý phân phối. Thông tin Đại lý phân phối được thể hiện tại mục 3 Chương VI của Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư tham khảo thêm điều 46 đến điều 47 của Điều lệ Quỹ, để biết thêm thông tin điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối, hoạt động của Đại lý phân phối.

Chương XI quy định về kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo, bao gồm 3 điều, từ điều 48 đến điều 50, quy định cụ thể về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán, năm tài chính, chế độ báo cáo, báo cáo tài chính.

13. Các quy định khác của Điều lệ Quỹ

Chương XIV quy định về giải thể quỹ, bao gồm 2 điều, từ điều 57 đến điều 58, quy định cụ thể về các điều kiện giải thể quỹ.

Chương XV gồm 1 điều 59 quy định về giải quyết các xung đột về lợi ích, kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ.

Chương XVI quy định về công bố thông tin và thay đổi điều lệ, bao gồm 4 điều, từ điều 69 đến điều 72, quy định về công bố thông tin, thay đổi điều lệ, đăng ký điều lệ và điều khoản thi hành.

VI. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF DCVFMVN30

1. Giao dịch hoán đổi định kỳ (giao dịch sơ cấp)

1.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

a. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi:

- Chỉ thành viên lập quỹ tham gia giao dịch hoán đổi trực tiếp với công ty quản lý quỹ. Danh sách thành viên lập quỹ được chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật từ Công ty quản lý quỹ DCVFM.

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

b. Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi:

- Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước ngày giao dịch hoán đổi.
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 thành viên lập quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
 - Đối với Nhà đầu tư:
 - Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi.

c. Thời gian giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

- Tần suất giao dịch hoán đổi của Quỹ ETF DCVFMVN30 là hàng ngày (ngày làm việc).

Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ sẽ được quy định như sau:

- Thời gian giao dịch: từ 9 giờ 30 phút đến 14 giờ 44 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc.
- Thời gian giao dịch: từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 44 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

- Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC, ngân hàng giám sát về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF và chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF trước 9 giờ 00 phút ngày giao dịch hoán đổi (gọi là ngày T), ngoại trừ trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ thì thông tin trên sẽ được thông báo trước 13 giờ 00 phút trong ngày giao dịch hoán đổi. Danh mục chứng khoán cơ cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và bao gồm các thông tin về mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục.
- Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

d. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 14 giờ 44 phút tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi và gửi đến Đại lý chuyển nhượng.

e. Phương thức giao dịch:

- Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 thông qua thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định được kèm theo trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) từ Công ty quản lý quỹ DCVFM.

- Lệnh giao dịch hoán đổi (*theo mẫu*) của đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến Đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của thành viên lập quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến thành viên lập quỹ trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.
 - Những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:
 - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF;
 - Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức hoặc Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai, hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện thông báo các chứng khoán hoán đổi bằng tiền cho công ty quản lý quỹ trước 12 giờ ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi và tự chịu trách nhiệm và thực hiện giải trình khi có yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và công ty quản lý quỹ.
 - Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi được coi là hoàn tất khi:
 - Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào hồ sơ bao gồm Phiếu đặt lệnh giao dịch quỹ ETF DCVFMVN30, Bảng kê chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF sử dụng để giao dịch hoán đổi, chứng từ xác nhận việc chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa của Quỹ (trong trường hợp nhà đầu tư phải thanh toán tiền cho khoản chênh lệch giữa giá trị lô ETF và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc dùng tiền thay thế cho các chứng khoán bị hạn chế đầu tư, cổ phiếu quỹ, hoặc những khoản phải thanh toán bằng tiền khác theo quy định ở trên), và văn bản xác nhận số dư của thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF để thực hiện giao dịch (*theo mẫu*).
 - Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh đến các thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối trong thời gian thực hiện giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM.
 - Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi VSDC bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu ngoại trừ các trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền nêu trên hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất cho việc thanh toán vào ngày thanh toán.
 - Các lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển đến sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư, thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các lệnh giao dịch của mình thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch thừa (nếu có) cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.
 - Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, và ngược lại Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.
- f. Điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch:
- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chỉ được điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi trước thời điểm đóng sổ lệnh.
 - Việc điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được thực hiện tại các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đặt lệnh. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch.

- Việc thực hiện điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi sau thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của thành viên lập quỹ nhập sai số lượng ETF mua, bán của nhà đầu tư trong quá trình nhập lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng.

g. Thời hạn xác nhận giao dịch:

- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.

h. Thời hạn tiếp nhận và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:

- Trước 12 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, tài khoản của Quỹ ETF tại NHGS nhận các khoản thanh toán bằng tiền do phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF và các mã chứng khoán được góp bằng tiền do nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành.
- Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, Quỹ ETF hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư các khoản thanh toán bằng tiền phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.

1.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi

- Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty quản lý quỹ DCVFM và theo các quy định về công bố thông tin.

• Giá dịch vụ phát hành được quy định tại Mục 1.1 Chương IX của Bản Cáo Bạch này.

Giá dịch vụ mua lại được quy định tại Mục 1.2 Chương IX của Bản Cáo Bạch này.

1.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 và yêu cầu phong tỏa chứng khoán cơ cấu hoán đổi trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, với phần chênh lệch phát sinh này và phần thanh toán bằng tiền bao gồm khoản thanh toán cho các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện hoán đổi trong trường hợp được đề cập tại điểm e, mục 1.1, Chương VI, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 12 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư thực hiện thanh toán các khoản bằng tiền với nội dung chuyển khoản ngân hàng như sau:

| | |
|----------------|---|
| Tên tài khoản: | QUY ETF DCVFMVN30 |
| Số tài khoản: | theo số tài khoản của của từng Đại lý phân phối được nêu ở Phụ lục 1 |
| Tên ngân hàng: | Standard Chartered Bank (VN) Limited |
| Số tiền: | Số tiền phải nộp |
| Nội dung: | [số tài khoản giao dịch chứng khoán]-[tên nhà đầu tư]-[đăng ký mua CCQ ETF DCVFMVN30] |

- Đối với phần thanh toán bằng tiền của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được đề cập tại điểm e, mục 1.1, Chương IV:

- Trước 12 giờ ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thông báo cho Công ty quản lý quỹ DCVFM về những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền được đề cập ở trên (nếu có). Trường hợp thành viên lập quỹ không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ DCVFM phát sinh thêm những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ căn cứ trên phiên hoán đổi trước đó. Sau đó Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thông báo tới thành viên lập quỹ/nhà đầu tư danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp tương ứng của từng mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với 1 lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền nếu thấy cần thiết. Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó tại ngày giao dịch trên thị trường thứ cấp gần nhất trước ngày giao dịch hoán đổi. Tổng số tiền tạm nộp tương ứng của mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với 1 lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.
- Trên cơ sở số tiền tạm nộp của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, Quỹ ETF có thể thực hiện mua các mã chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số lô ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phân bổ.
- ❖ Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này.

Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của chứng khoán tại ngày giao dịch hoán đổi vào doanh thu hoặc chi phí của quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả/ phải thu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua thì:

- + Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán bị hạn chế cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
- + Đối với cổ tức bằng tiền: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại khoản cổ tức bằng tiền này cho Quỹ ETF thông qua việc cản trừ vào số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).
- + Đối với quyền mua cổ phiếu: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ ETF phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày giao dịch không hưởng quyền và giá phát hành quyền nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua thông qua việc cản trừ vào số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).
- + Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền và sẽ được Quỹ ETF thông báo sau (nếu có).

Trong vòng hai (2) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu liên quan đến lượng chứng khoán hạn chế đã mua kèm sự kiện doanh nghiệp phát sinh (nếu có) giữa:

- ✓ Số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp bằng tiền và;
- ✓ Số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này cộng với số cổ

tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ ETF (như đề cập bên trên). Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu. Ngược lại, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ ETF trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ DCVFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.

- ❖ Trường hợp Quỹ ETF không mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ ETF đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ ETF chưa mua đủ được trong 7 (bảy) ngày làm việc (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)) sẽ được Quỹ ETF quyết toán với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)).

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1)) thì:

+ Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thường: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu bị hạn chế cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thường cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thường.

+ Đối với cổ tức bằng tiền: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại khoản cổ tức bằng tiền này cho Quỹ ETF thông qua việc cần trừ vào số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).

+ Đối với quyền mua cổ phiếu: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ ETF phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày giao dịch không hưởng quyền và giá phát hành quyền nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua thông qua việc cần trừ vào số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã tạm nộp (110% giá trị các cổ phiếu góp vốn bằng tiền).

+ Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền và sẽ được Quỹ ETF thông báo sau (nếu có).

Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian mua các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền (ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (ngày T+1))), Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa:

- ✓ Số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp và,
- ✓ Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ ETF thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu Quỹ ETF đã mua được) cộng với giá trị chứng khoán chưa mua đủ (như đề cập ở trên) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ ETF (như đề cập bên trên)

Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ DCVFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch cho Quỹ ETF trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ DCVFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.

- Trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành

viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.

- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) tại thời điểm kiểm tra sẽ xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quỹ ETF sẽ hoàn trả số tiền mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã nộp (nếu có) trong vòng 02 (hai) ngày làm việc sau khi có kết quả giao dịch hoán đổi do VSDC cung cấp, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.
- Các lệnh hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF có đầy đủ chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện, và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được phân bổ chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm vào tài khoản lưu ký của mình.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF DCVFMVN30 và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSDC.
- Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 phát hành thêm tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang quỹ ETF.

1.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu và yêu cầu phong tỏa chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ DCVFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ DCVFM hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, phí ngân hàng trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chịu.
- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ DCVFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thấp hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm thanh toán phần chênh lệch này vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 12 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).
- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ số lượng chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 để hoán đổi và phần tiền nộp thêm (nếu có) do chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu với giá trị của lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- Các lệnh hoán đổi hợp lệ sẽ được thực hiện và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được nhận lại danh mục chứng khoán cơ cấu vào tài khoản lưu ký của mình.
- Trường hợp Quỹ ETF DCVFMVN30 không đủ số lượng chứng khoán của 1 mã chứng khoán cơ cấu nào đó để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì việc hoàn trả mã chứng khoán cơ cấu này sẽ được thực hiện như sau:
 - ❖ Trường hợp tổng số lượng của mã chứng khoán cơ cấu này mà quỹ hiện có (bao gồm số lượng chứng khoán đã về tài khoản và số lượng chứng khoán chưa về tài khoản do phát sinh cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu) lớn hơn tổng số lượng phải hoàn trả nhưng số lượng chứng khoán đã có trong tài khoản của Quỹ không đáp ứng đủ thì Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả dựa trên số lượng chứng khoán đã có trong tài khoản của Quỹ theo nguyên tắc lệnh bán trước sẽ được thực hiện trước (đối với các kỳ giao dịch hoán đổi khác nhau) và theo nguyên tắc tỷ lệ giao dịch (đối với cùng một kỳ giao dịch), số lượng còn lại Quỹ sẽ thực hiện hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sau khi có số lượng chứng khoán đó về tài khoản của Quỹ.

- ❖ Trường hợp sau khi lấy toàn bộ số lượng hiện có của mã chứng khoán đó trên tài khoản của Quý hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhưng vẫn không đáp ứng đủ thì Quý sẽ thực hiện hoàn trả bằng tiền với giá trị trên mỗi chứng khoán đó bằng với giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày hoán đổi.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quý ETF DCVFMVN30 sang tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSDC.
- Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ Quý ETF DCVFMVN30 sang thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 mua lại tại VSDC.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

1.5 Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cho nhà đầu tư

Nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền và/hoặc bằng các tài sản khác cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối để thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện việc mua đủ danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư trước khi đặt lệnh giao dịch hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF cho nhà đầu tư.

Cách thức thực hiện dựa trên quy định của thành viên lập quỹ, đại lý phân phối và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

1.6 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định

Trường hợp Quỹ ETF DCVFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm hoàn thành hoán đổi tại VSDC (ngày T+1)), hoặc dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ DCVFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ DCVFM, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

- 1) Trường hợp là tổ chức, cá nhân nước ngoài, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.
- 2) Trường hợp hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.

Ngay khi phát sinh các trường hợp quy định tại mục 1) và 2) ở trên, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng trong trường hợp Công ty quản lý Quỹ DCVFM chưa bán được cho nhà đầu tư.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục 1), 2) nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định luật hiện hành. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan và sẽ được quỹ thực hiện sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền do việc hoàn tất bán thành công những chứng khoán này.

Trong quá trình Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thực hiện bán quyền mua nếu được, trong trường hợp không bán được quyền mua trước thời hạn thực hiện quyền thì Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ sử dụng tiền từ việc bán số chứng khoán đó để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá đóng cửa của ngày giao dịch đầu tiên trong thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền theo thông báo của tổ chức phát hành (trường hợp trong thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền thực hiện quyền mà chứng khoán đó không có giao dịch trên thị trường thì lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó để so sánh với giá thực hiện quyền và đảm bảo điều kiện giá thực hiện quyền nhỏ hơn giá đóng cửa ngày gần nhất trước đó), sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ. Trường hợp nhà đầu tư, thành viên lập quỹ gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thực hiện quyết toán ngay theo số lượng chứng khoán thực bán mà không chờ đến ngày thực hiện quyền và phần quyền mua đã được nhà đầu tư, thành viên lập quỹ từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.

Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc hoàn tất việc bán thành công các cổ tức hoặc quyền này. Khoản thanh toán cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan

Trên cơ sở thông báo của VSDC, công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO) đối với các giao dịch ở các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch ở cùng kỳ hoán đổi trên cơ sở khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh. Ngay khi phát sinh, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán theo dõi riêng. Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo kết quả tính toán và phân bổ của công ty quản lý quỹ DCVFM và có sự giám sát của ngân hàng giám sát.

Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được ghi nhận trước, lệnh bán chứng khoán sẽ được ghi nhận sau trong sổ sách kế toán của quỹ.

Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong Đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

1.7 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30

1. Công ty quản lý quỹ DCVFM có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư do một trong các trường hợp sau:
 - a. Sở Giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
 - b. Tổ chức phát hành của loại chứng khoán có trong danh mục đầu tư của quỹ DCVFMVN30 bị phá sản, giải thể; hoặc bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của quỹ ETF DCVFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ
 - c. Quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - d. Công ty quản lý quỹ DCVFM, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;

- e. Công ty quản lý quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 từ nhà đầu tư và thành viên lập quỹ khi nhận thấy việc nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi có thể sẽ dẫn đến danh mục đầu tư của quỹ vi phạm quy định hạn chế đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 45 của Thông tư 98/2020/TT-BTC và quy định sửa đổi bổ sung (nếu có) của Thông tư 98/2020/TT-BTC;
 - f. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1, mục 1.7 này, Công ty quản lý quỹ DCVFM phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sẽ phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 3. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày tạm ngừng giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 1, mục 1.7 này, thời hạn tạm ngừng không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó theo thông báo của Công ty quản lý quỹ DCVFM.
 4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại khoản 3, mục 1.7 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư bất thường về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

1.8 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDC được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSDC ban hành.

1.9 Xác nhận giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

- Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày hoán đổi (ngày T+1), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo số lượng lô ETF/chứng khoán cơ cấu và số tiền nộp thực có trên tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư; theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ ETF, và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.
- Việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF DCVFMVN30 hoặc ngược lại, và việc đăng ký, lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 phát hành thêm, hủy đăng ký, rút lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 mua lại trên tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ được thực hiện theo quy định của VSDC.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF DCVFMVN30 phát hành thêm do thực hiện giao dịch hoán đổi được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi số và Công ty quản lý quỹ DCVFM không phát hành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư ngay sau khi DCVFM hoàn tất việc đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF này với VSDC.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF DCVFMVN30 được Quỹ mua lại do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi sẽ bị hủy bỏ đồng thời bị hủy đăng ký tại VSDC.

1.10 Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng khoán cơ cấu hoặc chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 dùng để hoán đổi không đủ tương ứng theo lệnh đã đặt tại thời điểm VSDC kiểm tra theo quy định của Bản cáo bạch này.
- Tiền chênh lệch, các loại phí dành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ không thanh toán đúng thời hạn. Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

1.11 Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 trước thời điểm quy định như trên
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (FIICA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ ETF DCVFMVN30 đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (FIICA) theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (FIICA) (nếu là nhà đầu tư nước ngoài) cho thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF DCVFMVN30 lần đầu. Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến giao dịch hoán đổi (sơ cấp) chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có những chỉ định khác bằng văn bản. Công ty quản lý Quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là " tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) (nếu là nhà đầu tư nước ngoài).

2. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh theo nguyên tắc sau:
 - Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
 - Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nơi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 niêm yết;
 - Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ Quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

VII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC

1. Giới thiệu về Công ty Quản lý Quỹ DCVFM

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam được thành lập dựa trên sự hợp tác toàn diện giữa hai tổ chức tài chính hàng đầu Việt Nam là Dragon Capital Group và Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (VFM).

Với bề dày hơn 25 năm hoạt động tại Việt Nam, Dragon Capital Việt Nam là công ty quản lý quỹ có lịch sử hoạt động lâu đời nhất và đồng hành cùng những mốc son lịch sử của nền kinh tế Việt Nam.

Tổng quy mô tài sản mà Dragon Capital Group đang quản lý tính đến ngày 31/12/2020 là hơn 77,000 tỷ đồng (gần 4 tỷ Đô La).

Công ty có rõ sản phẩm và dịch vụ đa dạng nhất trên thị trường như quỹ đầu tư cổ phiếu, quỹ đầu tư trái phiếu, quỹ ETF, quỹ trái phiếu thu nhập cố định, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư,... có thể đáp ứng các nhu cầu khác nhau của nhà đầu tư trong nước và quốc tế dù ở là phân khúc cá nhân hay tổ chức.

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ góp vốn khi thành lập năm 2003:

| Tên cổ đông | Giá trị góp vốn pháp định theo mệnh giá | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|----------------|
| Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín | 5,600,000,000 | 70.00% |
| Dragon Capital Management Limited | 2,400,000,000 | 30.00% |
| | 8,000,000,000 | 100.00% |

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ tại 31/12/2022:

| Tên cổ đông | Giá trị góp vốn theo mệnh giá | Tỷ lệ sở hữu |
|---|-------------------------------|--------------|
| Dragon Capital Markets (Europe) Limited | 149.773.410.000 | 48,09% |
| Dragon Capital Management (HK) Limited | 155.346.020.000 | 49,88% |

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị

- Ông Dominic Scriven Chủ tịch
- Ông Trần Thanh Tân Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Anh Minh Thành viên HĐQT
- Ông Beat Schurch Thành viên HĐQT
- Ông Johan Nyvene Thành viên HĐQT

Chi tiết của các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại www.dragoncapital.com.vn

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ DCVFM

- Ông Beat Schurch Tổng Giám Đốc, người đại diện Pháp Luật.

Chi tiết của các thành viên trong Ban điều hành của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại www.dragoncapital.com.vn

1.3 Giới thiệu nhân viên quản trị quỹ

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Người điều hành Quỹ ETF DCVFMVN30
- Ông Vũ Đức Sửu Người điều hành Quỹ ETF DCVFMVN30

Chi tiết của người điều hành Quỹ ETF DCVFMVN30 của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn.

1.3.1 Giới thiệu Ban đại diện Quỹ

- Bà Nguyễn Bội Hồng Lê- Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- Bà Lê Thị Thu Hương- Thành viên Ban đại diện Quỹ.

- Bà Phạm Thị Thanh Thúy- Thành viên Ban đại diện Quỹ.

Chi tiết của Ban đại diện Quỹ ETF DCVFMVN30 của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn.

1.4 Tình hình hoạt động của Công ty DCVFM

| Năm | Doanh thu (VND) | Lợi nhuận (VND) |
|------|-------------------|-----------------|
| 2018 | 128.754.428.021 | 44.836.512.858 |
| 2019 | 92.291.195.197 | 5.516.891.736 |
| 2020 | 90.571.658.131 | 24.284.283.496 |
| 2021 | 877.751.966.089 | 250.143.377.193 |
| 2022 | 1.107.834.760.253 | 441.811.155.950 |

Các quỹ do công ty DCVFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DC (DCDS)
- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu DC (DCBC)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (DCBF)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC (DCIP)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF)
- Quỹ ETF DCVFMVN30
- Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND
- Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP

Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm trang thông tin điện tử dragoncapital.com.vn

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty DCVFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty DCVFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ DCVFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

2. Thành viên lập quỹ

Các thành viên lập quỹ của Quỹ ETF DCVFMVN30 là những công ty chứng khoán hàng đầu, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm các công ty chứng khoán sau:

a) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính tại: Lầu 2,5,6,7,11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3823 3299 Fax: (84-28) 3823 3301

Công ty HSC được thành lập ngày 23/04/2003 theo Giấy phép hoạt động số 4103001573/GPHĐKD của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003. Công ty HSC cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu

tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

b) Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở tại: Tầng 1, 4 và 7, số 8 đường Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Chi nhánh tại: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 6888 Fax: (84-28) 3914 7999

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài Chính Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài Chính, theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999. Các sản phẩm dịch vụ hiện có tại BVSC: Dịch vụ chứng khoán; Dịch vụ phân tích nghiên cứu; Dịch vụ ngân hàng đầu tư; và Dịch vụ nguồn vốn và đầu tư tài chính.

c) Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 8882 6868

d) Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 8 – 9, Toà nhà Thái Holdings, 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3935 2722 Fax: (84-24) 2220 0669

e) Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)

Trụ sở chính: Tầng 1 – 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 6299 2020

f) Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI)

Trụ sở chính: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Fax: 024 3728 0920

g) Công ty Cổ phần Chứng khoán ACBS

Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028) 7300 3751

h) Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3972 4568 Fax: (024) 3972 4568

i) Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 3 và Tầng 11, Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 8585 Fax: (84-28) 3914 8585

j) Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3824 2897 Fax: (84-28) 3824 2997

k) Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset

Tòa nhà Le Meridien, Tầng 7, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3910 2222

Danh sách các thành viên lập quỹ sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử dragoncapital.com.vn.

3. Danh sách Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ

Danh sách các Đại lý phân phối chỉ định (nếu có) được nêu và sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch và trên trang thông tin điện tử dragoncapital.com.vn

4. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 38378356

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

5. Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF DCVFMVN30, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ là Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty Kiểm toán Ernst & Young.

6. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3936 8000 Fax: (024) 38378356

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

7. Tổ Chức Được Ủy Quyền Thực Hiện Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSDCC)

Địa chỉ: 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39747113 Fax: 024 39747120

Được thành lập theo Quyết định số 171/2008/QĐ- TTg Ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển đổi, tổ chức lại Trung tâm lưu ký chứng khoán sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo quy định của Luật chứng khoán; Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi VSDC.

VIII. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Xác Định Giá Trị Tài Sản Ròng

- Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.
- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ DCVFM hoặc do đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật

và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ DCVFM chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận. Sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các giá trị tài sản ròng nêu trên phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá đối với kỳ định giá ngày.

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ DCVFM, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ DCVFM có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

a. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải tuân thủ theo điều lệ quỹ, bản cáo bạch và sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ thông qua;
- Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thường phải được hạch toán vào tài sản của quỹ theo các quy định, luật hiện hành
- Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá;
- Các khoản mục thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;

Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại bản cáo bạch này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động này;
- Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty quản lý quỹ có hiệu lực;
- Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ ETF DCVFMVN30 sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, và được lấy đến hai (02) số thập phân.
- Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành và được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1. | Tiền (VND) | Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá |
| 2. | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá. |
| 3. | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá và theo hướng dẫn tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt |
| 4. | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá được đề cập trong Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt. |
| Trái phiếu | | |
| 5. | Trái phiếu niêm yết | - Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch |

| | | |
|-----------------|---|--|
| | | <p>chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.</p> |
| 6. | Trái phiếu không niêm yết | <p>Giá trị trung bình (giá sạch) của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế (*). Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc • có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; hoặc • giá trị trung bình nêu trên (*) có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá, <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.</p> |
| 7. | Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi | Phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận. |
| 8. | Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| Cổ phiếu | | |
| 9. | Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom | <p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; • Giá mua (giá cost); • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |

| | | |
|----------------------|--|--|
| | | <p>- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.</p> |
| 10. | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 11. | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | <p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 12 | Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết) | <p>- Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; • Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 90 ngày trước ngày định giá; • Giá mua; • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. |
| Chứng chỉ quỹ | | |
| 13. | Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết | <p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> |

| | | |
|------------------------------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sổ giao dịch; hoặc trên website UBCKNN theo chi tiết tại Sổ tay định giá; • Giá mua (giá cost); • Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. |
| 14. | Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết | - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ ETF DCVFMVN30. |
| Chứng khoán phái sinh | | |
| 15. | Chứng khoán phái sinh niêm yết | - Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. |
| 16. | Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá | Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |
| 17. | Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh | Được quy định chi tiết bên dưới ở phần này. |
| Các tài sản khác | | |
| 18. | Các tài sản được phép đầu tư khác | Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. |

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
 - Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
 - Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
 - Trong các tình huống phát sinh khác không thể xác định được phương thức định giá thì sẽ được áp dụng theo hướng dẫn chi tiết tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- a. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- b. Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quán trị được rủi ro.

| STT | Loại tài sản | Giá trị cam kết |
|-----|---|---|
| 1 | Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ² |
| 2 | Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta |
| 3 | Hợp đồng tương lai chỉ số | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại |
| 4 | Hợp đồng tương lai trái phiếu | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao |
| 5 | Các hợp đồng khác | Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận |

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trả:

1.1 Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30

- Là giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi mua lô chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch hoán đổi, sau khi Quỹ ETF DCVFMVN30 được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30.

Giá dịch vụ phát hành áp dụng như sau:

- Đối với thành viên lập quỹ là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
- Đối với nhà đầu tư là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.2 Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Là giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi thực hiện hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu sau khi Quỹ ETF DCVFMVN30 được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30.
- Giá dịch vụ này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô ETF lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn giá dịch vụ mua lại thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát không trễ hơn vào 12 giờ ngày T+1, một (1) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi.
- Giá dịch vụ mua lại áp dụng như sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

2. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả:

a. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVN30/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF DCVFMVN30.
- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

b. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Giá dịch vụ giám sát tối đa là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

c. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ ETF DCVFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

d. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế giá trị tăng (nếu có)).

- Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng / số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá.
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho VSDC theo thỏa thuận trong hợp đồng.

e. Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,02% NAV/năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ này do Quỹ ETF DCVFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

f. Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,02% NAV /năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Giá dịch vụ này do Quỹ ETF DCVFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.
- Công thức tính giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm) x NAV tại

ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu

g. Giá dịch vụ thành viên lập quỹ

- Giá dịch vụ thành viên lập quỹ tổng cộng tối đa là 0,05% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF DCVFMVN30/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho các Công ty chứng khoán được chọn và ký hợp đồng để thực hiện các dịch vụ marketing, yết giá trên thị trường cho Quỹ ETF DCVFMVN30.
- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ thành viên lập quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ thành viên lập quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ thành viên lập quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và các công ty chứng khoán được chọn.

h. Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

- Giá dịch vụ giao dịch, bao gồm giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;
- Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ ETF DCVFMVN30 xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - R)^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ ETF (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{(\text{NAV/CU})_t}{(\text{NAV/CU})_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{(\text{Chỉ số tham chiếu})_t}{(\text{Chỉ số tham chiếu})_{i-1}} \right],$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$n = 26$

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

X. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

- Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF DCVFMVN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.
- Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- Công ty quản lý quỹ sẽ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Thông tư 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

XIII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ thực hiện và công bố thông tin các báo cáo định kỳ, bất thường của Quỹ ETF DCVFMVN30 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm như sau:

- Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm gửi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thông kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ các tài liệu sau đây:
 - Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt,
 - Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm;
 - Báo cáo thông kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, hàng tháng, bán niên và cả năm.

- Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ DCVFM công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:
 - Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
 - Số lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chênh lệch so với ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
 - Thông tin về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; chỉ số tham chiếu và biến động của chỉ số tham chiếu;
 - Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
 - Sai lệch của cơ cấu đầu tư so với hạn chế đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
 - Việc định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ (nếu có);
 - Giải thể quỹ (nếu có);
 - Thay thế ngân hàng giám sát (nếu có);
 - Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
 - Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).
- Định kỳ hàng tuần, công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).
- Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty các nội dung sau:
 - Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có);
 - Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
 - Tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và kết thúc năm.

Ngoài ra, có thể có các báo cáo khác được cung cấp từ công ty quản lý quỹ trong phạm vi khả năng thực hiện được. Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang web của công ty DCVFM tại dragoncapital.com.vn

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (028) 3825 1488 Fax: (028) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3942 8168 Fax: (024) 3942 8169

Ngoài ra, nhà đầu tư cũng có thể liên hệ với tất cả các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN30 để được giải đáp các vấn đề liên quan.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thùy Linh

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



BEAT SCHURCH

Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ETF DCVFMVN30

(áp dụng từ khi Quỹ ETF DCVFMVN30 được cấp giấy phép từ UBCKNN cho đến khi có thông báo mới)

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối:

a. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Lầu 2,5,6,7,11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 3823 3299
- Fax: (028) 3823 3301

b. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bào Việt (BVSC)

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tầng 1, 4 và 7, số 8 đường Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3928 8080
- Fax: (024) 3928 9888

c. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 8882 6868

d. Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Trụ sở chính: tại:

- Địa chỉ: Tầng 8 – 9, Toà nhà Thái Holdings, 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3935 2722
- Fax: (84-24) 2220 0669

e. Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tầng 1 – 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (84-28) 6299 2020

f. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI)

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Fax: 024 3728 0920

g. Công ty Cổ phần Chứng khoán ACBS

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 7300 7000
- Fax: (028) 7300 3751

h. Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Điện thoại: (024) 3972 4568
- Fax: (024) 3972 4568

i. Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tầng 3 và Tầng 11, Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Điện thoại: (84-28) 3914 8585
- Fax: (84-28) 3914 8585

j. Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (84-28) 3824 2897
- Fax: (84-28) 3824 2997

k. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset

Trụ sở chính tại:

- Địa chỉ: Tòa nhà Le Meridien, Tầng 7, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3910 2222